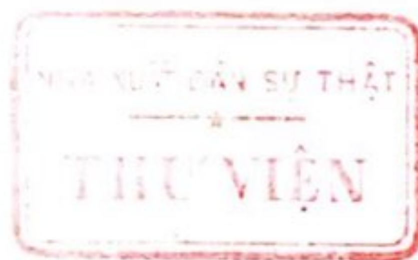
STA-LIN

CHỦ NGHĨA MÁC
VÀ
NHỮNG VẤN ĐỀ NGỮ NGÔN HỌC

XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI





NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ - NỘI

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, LIÊN HỢP LẠI!

STA - LIN

CHỦ NGHĨA MÁC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NGỮ NGÔN HỌC

XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
Hà-nội — 1958

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Xuất bản lần thứ hai bản dịch ra tiếng Việt cuốn *Chủ nghĩa Mác và những vấn đề ngữ ngôn học*, chúng tôi có duyệt lại, đối chiếu theo bản dịch ra Pháp văn của Nhà xuất bản ngoại văn Mạc-tư-khoa 1952, đồng thời có thêm một số chú thích. Những chú thích có ký *N. D.* là của người dịch, ký *Bt.* là của Ban biên tập Nhà xuất bản.

Tháng Giêng 1958

BÀN VỀ CHỦ NGHĨA MÁC TRONG NGỮ NGÔN HỌC

Một nhóm đồng chí trẻ yêu cầu tôi phát biểu trên báo về các vấn đề ngữ ngôn học, nhất là về chủ nghĩa Mác trong ngữ ngôn học. Đã không phải là nhà ngữ ngôn học thì, lẽ tự nhiên, tôi không thể làm các đồng chí đó hoàn toàn thỏa mãn. Còn như bàn về chủ nghĩa Mác trong ngữ ngôn học, cũng như trong các khoa học xã hội khác, thì dĩ nhiên đó là việc tôi có thể làm được. Vì thế, tôi vui lòng đáp một số câu hỏi các đồng chí đã đề ra.

HỎI : *Nói ngữ ngôn là một kiến trúc thượng tầng trên một cơ sở hạ tầng có đúng không?*

ĐÁP: Không, không đúng.

Cơ sở hạ tầng là chế độ kinh tế của xã hội trong một giai đoạn phát triển nhất định của xã hội. Kiến trúc thượng tầng là những kiến giải* của xã hội về chính trị, luật pháp, tôn giáo, nghệ thuật, triết học, với những thiết chế** tương đương về chính trị, luật pháp và các mặt khác.

---

* bản Pháp văn : vues. *(N.D.)*

** institutions. *(N.D.)*

Mỗi cơ sở hạ tầng đều có thượng tầng kiến trúc riêng tương đương của nó. Hạ tầng* của chế độ phong kiến có thượng tầng riêng, có những kiến giải riêng về chính trị, luật pháp và các mặt khác, cùng với những thiết chế tương đương của nó; hạ tầng tư bản chủ nghĩa có thượng tầng của nó, hạ tầng xã hội chủ nghĩa cũng thế. Khi hạ tầng thay đổi hay bị thủ tiêu thì thượng tầng cũng thay đổi hay bị thủ tiêu theo; khi một hạ tầng mới nảy sinh thì thượng tầng tương đương cũng nảy sinh theo.

Về phương diện ấy, ngữ ngôn hoàn toàn khác với thượng tầng. Lấy một thí dụ là xã hội Nga và ngữ ngôn Nga, chẳng hạn. Trong 30 năm vừa qua, ở Nga, hạ tầng cũ của chủ nghĩa tư bản bị thủ tiêu, một hạ tầng mới — hạ tầng xã hội chủ nghĩa — được lập lên. Do đó, thượng tầng của cơ sở tư bản chủ nghĩa bị thủ tiêu, và thượng tầng mới tương đương của cơ sở xã hội chủ nghĩa được dựng lên. Những thiết chế cũ về chính trị, luật pháp và các mặt khác đều bị thay thế bằng những thiết chế mới, thiết chế xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, ngữ ngôn Nga căn bản vẫn là một, y nguyên như trước Cách mạng tháng Mười.

Ngữ ngôn Nga đã có gì thay đổi, từ đó tới nay? Trong một chừng mực nào, từ vị** Nga đã thay đổi, nghĩa là nó được bồi bổ bằng một số khá lớn những từ *** mới và ngữ**** mới, xuất hiện cùng với nền sản

* hạ tầng: tức là cơ sở hạ tầng gọi tắt, cũng như gọi tắt kiến trúc thượng tầng là thượng tầng. *(N.D.)*

** từ vị (lexique) nói chung là toàn bộ từ và ngữ trong một ngữ ngôn (N. D.)

*** mot *(N. D.)*

**** expressions. *(N. D.)*

xuất xã hội chủ nghĩa mới, với Nhà nước mới, với văn hóa mới, văn hóa xã hội chủ nghĩa, với xã hội mới, đạo đức mới và, sau hết, với bước tiến của kỹ thuật và khoa học; ý nghĩa của một số từ và ngữ thay đổi và đã được người ta hiểu một cách mới, một số những từ già cỗi đã biến khỏi từ vị. Còn cái vốn cơ bản của từ vị và hệ thống ngữ pháp* của ngữ ngôn Nga, tức là nền tảng của ngữ ngôn ấy không những không bị thủ tiêu và thay thế bằng cái vốn cơ bản mới của từ vị và hệ thống ngữ pháp mới của ngữ ngôn, sau khi cơ sở tư bản chủ nghĩa đã bị thủ tiêu, mà trái lại, vẫn cứ được bảo tồn nguyên vẹn và vẫn sống không thay đổi bao nhiêu; và vẫn được bảo tồn chính là để làm nền tảng cho ngữ ngôn Nga ngày nay.

Nói tiếp tới. Kiến trúc thượng tầng do cơ sở hạ tầng mà nảy sinh, song như thế, không có nghĩa thượng tầng chỉ là phản ánh của hạ tầng, thượng tầng là bị động, là trung lập, vô can** đối với số phận của hạ tầng, đối với số phận của các giai cấp, đối với tính chất của chế độ. Trái lại, sau khi xuất hiện rồi, thượng tầng trở thành lực lượng chủ động vô cùng lớn lao giúp đỡ một cách đắc lực cho hạ tầng thành hình và mạnh mẽ lên; nó dùng đủ mọi cách để giúp chế độ mới phá hủy triệt để và tiêu diệt hạ tầng cũ và những giai cấp cũ.

Không thể nào khác thế được. Thượng tầng mà được hạ tầng đẻ ra, chính là để phụng sự nó, đắc lực giúp nó thành hình và trở nên kiên cố, đắc lực đấu tranh để thủ tiêu hạ tầng quá thời cũ cùng với thượng tầng cũ của nó. Hễ thượng tầng bỏ vai trò làm công cụ ấy, hễ nó chuyển từ vị trí tích cực bảo vệ hạ tầng

---

* système grammatical. (*N D*)

** indifférent (*N. D.*)

sang thái độ vô can đối với hạ tầng, thái độ coi ngang hàng các giai cấp, là nó mất tính cách của nó và không còn là một thượng tầng nữa.

Ngữ ngôn về phương diện ấy, hoàn toàn khác với thượng tầng. Ngữ ngôn xuất hiện, không phải do hạ tầng này hay hạ tầng khác, do hạ tầng cũ hay hạ tầng mới trong một xã hội nhất định nào, mà là do toàn bộ bước đường tiến của lịch sử xã hội và của lịch sử những hạ tầng, trải qua các thế kỷ. Ngữ ngôn không phải là do riêng một giai cấp nào tạo ra, mà do toàn thể xã hội, do tất cả các giai cấp trong xã hội, do công phu của hàng trăm thế hệ tạo ra. Nó được tạo ra, không phải để cung ứng cho nhu cầu của một giai cấp nào, mà cho nhu cầu của toàn xã hội, của tất cả các giai cấp trong xã hội. Chính vì lẽ đó mà nó đã được tạo ra làm ngữ ngôn của toàn thể nhân dân, thống nhất cho toàn xã hội, và chung cho tất cả mọi người trong xã hội. Vì thế, vai trò công cụ của ngữ ngôn, đứng làm phương tiện giao tiếp giữa mọi người, không phải chỉ là phục vụ giai cấp này bỏ mặc giai cấp khác, mà là phục vụ đều đủ toàn xã hội, tất cả các giai cấp trong xã hội. Đó chính là cái lẽ tại sao, ngữ ngôn lại có thể phục vụ cả chế độ cũ đang chết, lẫn chế độ mới đang lên, cả hạ tầng cũ lẫn hạ tầng mới, cả những kẻ bóc lột lẫn những người bị bóc lột.

Một điều hiển nhiên đối với mọi người là ngữ ngôn Nga đã phụng sự chủ nghĩa tư bản Nga và văn hóa tư bản Nga trước Cách mạng tháng Mười, cũng y như ngày nay nó đang phụng sự chế độ xã hội chủ nghĩa và văn hóa xã hội chủ nghĩa của xã hội Nga.

Các ngữ ngôn U-cơ-ren, Bạch-Nga, U-dơ-béc, Ca-dắc, Giè-oóc-gi, A-rơ-mê-ni, E-stô-ni, Lét-tô-ni, Môn-đa-vi, Ta-ta, A-de-rơ-bai-gian, Ba-sơ-k'a, Tu-rơ-mê-ni và những

ngữ ngôn khác của các dân tộc xô-viết cũng thế, đều đã phụng sự chế độ tư sản trước kia của những dân tộc ấy, cũng y như đang phụng sự chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Không thể nào khác thế được. Ngữ ngôn tồn tại, ngữ ngôn được tạo ra, chính là để phụng sự toàn thể xã hội, làm phương tiện giao tiếp giữa mọi người, chung cho tất cả mọi người trong xã hội và thống nhất đối với xã hội, phụng sự đều đủ tất cả mọi người trong xã hội, không phân biệt là họ thuộc về giai cấp nào cả. Hễ ngữ ngôn rời khỏi cái vị trí làm lợi khí chung ấy cho toàn thể nhân dân, hễ nó đứng ra một vị trí thiên lệch, ủng hộ nhóm xã hội này, bỏ mặc những nhóm xã hội khác, thì như thế cũng đủ cho nó mất tính cách của nó, nó sẽ không còn là một phương tiện giao tiếp giữa mọi người trong xã hội nữa, nó sẽ trở thành một thứ tiếng lóng của một nhóm xã hội nào đó, nó sẽ biến tính di và đi đến chỗ diệt vong.

Về mặt đó, ngữ ngôn khác hẳn thượng tầng về nguyên tắc, song nó không khác những công cụ sản xuất như máy móc, chẳng hạn, vì chính máy móc, cũng như ngữ ngôn, đều vô can đối với các giai cấp, và có thể phụng sự cả chế độ tư bản chủ nghĩa lẫn chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nói tiếp tới. Thượng tầng là sản phẩm của một thời đại nhất định, trong đó, một hạ tầng kinh tế nhất định nào đó tồn tại và tiến hành. Cho nên, sinh mệnh của thượng tầng không thể trường cửu được; nó sẽ bị thủ tiêu và tiêu diệt cùng với hạ tầng nói trên, khi hạ tầng bị thủ tiêu và tiêu diệt.

Ngữ ngôn, thì trái lại, nó là sản phẩm của cả một số thời đại liên tiếp, trong đó, nó thành hình, được bồi

bồ phong phú, phát triển và trở thành tinh tế. Cho nên ngữ ngôn sống tuyệt đối lâu hơn bất cứ một hạ tầng hay thượng tầng nào. Điều đó chứng giải rõ rằng, trong lịch sử, sự nảy sinh rồi tiêu tan không những của một hạ tầng với thượng tầng tương đương của nó, mà của nhiều hạ tầng và nhiều thượng tầng tương đương với những hạ tầng ấy cũng thế, vẫn không làm cho một ngữ ngôn nhất định nào đó tiêu tan, không thủ tiêu được cơ cấu của ngữ ngôn đó và làm nảy sinh một ngữ ngôn mới với một từ vị mới và một hệ thống ngữ pháp mới nào cả.

Hơn 100 năm đã qua, từ khi Pu-sơ-kin từ trần. Trong khoảng thời gian ấy, ở Nga, chế độ phong kiến, chế độ tư bản đã bị thủ tiêu, rồi đã xuất hiện một chế độ thứ ba, chế độ xã hội chủ nghĩa. Tức là, hai hạ tầng, cùng với những thượng tầng tương đương, đã bị thủ tiêu, và một hạ tầng mới, hạ tầng xã hội chủ nghĩa với thượng tầng mới đã xuất hiện. Thế mà, nếu chúng ta xét ngữ ngôn Nga chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy ngữ ngôn ấy không có gì là thay đổi căn bản, trong khoảng thời gian dài ấy, và ngữ ngôn Nga ngày nay, trong cơ cấu của nó, khác rất ít so với ngữ ngôn của Pu-sơ-kin.

Trong thời gian ấy, ngữ ngôn Nga đã thay đổi những gì? Từ vị của ngữ ngôn Nga đã được bồi bổ rất nhiều trong thời gian ấy; một số lớn những từ già cỗi đã bị loại ra ngoài từ vị; ý nghĩa của một số lớn những từ đã thay đổi; hệ thống ngữ pháp của ngữ ngôn đã được cải tiến. Còn như cơ cấu ngữ ngôn của Pu-sơ-kin với hệ thống ngữ pháp và cái vốn cơ bản của từ vị thì vẫn được bảo tồn trên đại thể làm cơ sở cho ngữ ngôn Nga ngày nay.

Điều đó rất dễ hiểu. Thật thế, tại sao sau mỗi biến thiên xã hội, cơ cấu hiện hữu của ngữ ngôn, hệ thống

ngữ pháp và từ vị cơ bản của nó lại cứ phải tiêu hủy đi và thay thế bằng những cái mới, y như thượng tầng nhỉ? Những tiếng như *nước, đất, núi, rừng, cá, người, làm, sản xuất, buôn bán, v.v...* không được người ta gọi là nước, đất, núi, v.v... mà lại gọi bằng những tiếng nào khác, như thế phỏng có lợi gì cho ai? Sự cải biến các từ trong ngữ ngôn và sự kết hợp các từ trong câu mà không theo đúng ngữ pháp hiện hữu, lại theo một ngữ pháp nào khác, như thế phỏng có lợi gì cho ai? Một sự thay đổi trong ngữ ngôn như thế phỏng có ích gì cho cách mạng? Trong lịch sử thường thường không bao giờ xảy ra một việc gì thiết yếu* mà lại không do một tất yếu nào đặc biệt đề ra. Nên người ta tự hỏi thay đổi ngữ ngôn như thế có gì là cần chăng, nếu quả ngữ ngôn hiện hữu với cơ cấu của nó, trên đại thể, vẫn hoàn toàn có khả năng làm thỏa mãn nhu cầu của chế độ mới? Có thể và cần phải phá hủy thượng tầng cũ và thay thế bằng một thượng tầng mới, trong khoảng một vài năm, để mở rộng đường cho lực lượng sản xuất của xã hội phát triển, nhưng làm sao lại có thể phá hủy ngữ ngôn hiện hữu đi và lập ra, trong khoảng vài năm, một ngữ ngôn mới thay thế vào, mà lại không gây ra rối loạn trong sinh hoạt xã hội, không gây ra nguy cơ làm tan rã xã hội? Nếu không phải là Đôn Qui-sốt, thì ai lại đi tự đặt cho mình một nhiệm vụ như thế?

Sau hết, còn có một điểm phân biệt căn bản khác nữa giữa thượng tầng và ngữ ngôn. Thượng tầng không trực tiếp liên hệ với sản xuất, với hoạt động sản xuất của con người. Nó chỉ liên hệ với sản xuất, bằng cách gián tiếp thôi, do kinh tế làm trung gian, do hạ tầng

* essentiel. *(N.D.)*

làm môi giới. Cho nên, thượng tầng không phản ánh, tức thì và trực tiếp, những thay đổi trên trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất, mà chỉ phản ánh sau khi hạ tầng đã có những thay đổi, khi sự phản ánh của những thay đổi trong sản xuất đã gây ra những thay đổi trong hạ tầng. Điều đó chứng tỏ phạm vi tác động của thượng tầng là nhỏ hẹp và có hạn.

Ngữ ngôn, thì trái lại, nó có liên hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất của con người, và không những với hoạt động sản xuất, mà còn cả với mọi hoạt động khác của con người, trên tất cả các lãnh cực công tác, từ sản xuất đến hạ tầng, từ hạ tầng đến thượng tầng. Cho nên, ngữ ngôn phản ánh tức thì và trực tiếp, những thay đổi trong sản xuất, chứ không đợi những thay đổi phải xảy ra trong hạ tầng trước đã. Cho nên, phạm vi tác động của ngữ ngôn bao hàm tất cả những lãnh vực hoạt động của con người, thì nó rộng lớn và phiền tạp* hơn phạm vi tác động của thượng tầng rất nhiều. Hơn nữa, phạm vi ấy hầu như không có giới hạn nào cả.

Điều đó trước hết chứng giải tại sao ngữ ngôn, đặc biệt là từ vị của nó, lại ở trong một tình trạng gần như liên miên biến đổi. Sự phát triển liên tiếp của công nghiệp và nông nghiệp, của thương nghiệp và vận tải, của kỹ thuật và khoa học, đòi hỏi ngữ ngôn phải bồi bổ từ vị của mình bằng những từ mới và ngữ mới cần thiết cho sự tiến hành của các ngành ấy. Còn ngữ ngôn, vì phản ánh trực tiếp những nhu cầu ấy, nên nó tự bồi bổ từ vị bằng những từ mới, nó tự cải tiến hệ thống ngữ pháp.

---

* varié. *(N.D.)*

Như thế :

a) Người mác-xít không thể coi ngữ ngôn như một kiến trúc thượng tầng, đặt trên một cơ sở hạ tầng;

b) Lẫn lộn ngữ ngôn với thượng tầng là phạm một sai lầm nghiêm trọng.

HỎI: *Có phải thật là ngữ ngôn bao giờ cũng có và hiện vẫn có tính chất giai cấp không? Có phải thật là không có ngữ ngôn chung và thống nhất cho xã hội, không có ngữ ngôn không tính chất giai cấp, không có ngữ ngôn chung cho toàn thể nhân dân chăng?*

ĐÁP: Không, không phải.

Một điều rất dễ hiểu là trong một xã hội không có giai cấp thì không thể có vấn đề ngữ ngôn giai cấp. Chế độ công cộng nguyên thủy, chế độ thị tộc* không hề biết giai cấp là gì, cho nên không thể có ngữ ngôn giai cấp; ngữ ngôn thời đó, là ngữ ngôn chung, thống nhất cho toàn tập thể. Cái lý lẽ cho rằng phải gọi là giai cấp, tất cả các tập thể loài người, kể cả tập thể công cộng nguyên thủy, — lý lẽ đó không phải là một lý lẽ mà chỉ là một cách chơi chữ không đáng cho người ta bác bẻ.

Về phương diện phát triển của ngữ ngôn, từ những ngữ ngôn thị tộc đến những ngữ ngôn bộ lạc**, từ những ngữ ngôn bộ lạc đến những ngữ ngôn bộ tộc***, và từ những ngữ ngôn bộ tộc đến những ngữ ngôn dân tộc, khắp các nơi, trong tất cả các giai đoạn phát triển, ngữ ngôn đã là phương tiện giao tiếp giữa mọi người trong xã hội, thì cũng là công cộng và thống nhất cho

---

* clan. *(N.D.)*

** tribu. *(N.D.)*

*** nationalités. *(N.D.)*

toàn xã hội, phụng sự đều đủ tất cả mọi người trong xã hội, không phân biệt là họ ở địa vị xã hội nào.

Tôi không nói đến ở đây những đế quốc thời nô lệ hay thời trung cổ, chẳng hạn như những đế quốc của Xy-rút-xơ*, và A-léc-xan-đơ-rơ Đại đế, hay những đế quốc của Xê-da và của Sác-lơ Đại đế**, những đế quốc không có cơ sở kinh tế riêng và tiêu biểu cho những liên hợp quân sự và hành chính nhất thời, bấp bênh. Những đế quốc ấy không có và cũng không thể có một ngữ ngôn thống nhất cho toàn cõi đế quốc, mà tất cả mọi người trong đế quốc có thể thông hiểu với nhau được. Những đế quốc ấy tiêu biểu cho một khối kết hợp những bộ lạc và bộ tộc sống một đời sống riêng biệt và có những ngữ ngôn riêng biệt. Vì vậy, tôi không nói đến những đế quốc ấy và những đế quốc khác tương tự, mà chỉ nói đến những bộ lạc và bộ tộc là những bộ phận của đế quốc và có cơ sở kinh tế riêng, có ngữ ngôn riêng, đã thành hình lâu đời. Lịch sử chứng nhận rằng những ngữ ngôn của những bộ lạc và bộ tộc ấy không phải là ngữ ngôn giai cấp, mà là những ngữ ngôn chung cho toàn dân, chung cho các bộ lạc và bộ tộc, được họ thông hiểu.

Lẽ tự nhiên, cùng tồn tại với ngữ ngôn đó, có những thổ âm***, thổ ngữ****, nhưng trên những thổ âm, thổ ngữ ấy và thống ngự tất cả, chính là ngữ ngôn thống nhất và chung của bộ lạc hay bộ tộc.

Sau này, với sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản, với sự tiêu diệt của chế độ cát cứ phong kiến và với sự thành lập lên một thị trường dân tộc, thì những bộ tộc

---

* Cyrus *(N.D.)*

** Charlemagne. *(N.D.)*

*** dialectes. *(N.D.)*

**** parlers locaux. *(N.D.)*

đã phát triển thành dân tộc, và những ngữ ngôn bộ tộc thành ngữ ngôn dân tộc. Lịch sử bảo cho ta biết rằng ngữ ngôn dân tộc không phải là ngữ ngôn giai cấp, mà là ngữ ngôn chung cho toàn thể nhân dân, chung cho tất cả mọi phần tử trong dân tộc và thống nhất cho dân tộc.

Như đã nói ở trên, ngữ ngôn là phương tiện giao tiếp giữa mọi người trong xã hội, nên nó phụng sự đều đủ tất cả mọi giai cấp xã hội, và, về mặt đó, nó tỏ ra rõ ràng vô can đối với các giai cấp. Nhưng, những người, những nhóm xã hội riêng và những giai cấp lại không hề vô can đối với ngữ ngôn. Họ tìm đủ cách để lợi dụng ngữ ngôn cho lợi ích riêng của họ, đưa ép vào ngữ ngôn từ vị riêng của họ, những từ và ngữ riêng của họ. Tình trạng đó, người ta thấy rất rõ trong những tầng lớp trên của những giai cấp hữu sản, xa cách nhân dân và thù ghét nhân dân, tức là bọn quý tộc quyền môn * và các tầng lớp trên của giai cấp tư sản. Những thổ âm và kỳ ngữ ** « giai cấp », những « ngữ ngôn » khách thính ra đời. Trong văn học, những thổ âm và kỳ ngữ ấy thường được gán lầm cho cái danh hiệu là ngữ ngôn : « ngữ ngôn quý tộc », « ngữ ngôn tư sản », để đối lại với « ngữ ngôn vô sản », « ngữ ngôn nông dân ». Chính vì lẽ đó mà một số đồng chí ta đã đi đến kết luận — một cách khá lạ kỳ — rằng ngữ ngôn dân tộc là hư tưởng, và trong thực tế chỉ có những ngữ ngôn giai cấp mà thôi.

Tôi tưởng kết luận ấy không còn gì sai hơn. Có thể nào coi những thổ âm và kỳ ngữ ấy là ngữ ngôn được chăng ? Không, không thể được. Không thể được, trước

---

* aristocratie nobiliaire. *(N D.)*

** jargon. *(N.D.)*

hết, vì những thổ âm và kỳ ngữ ấy không có một hệ thống ngữ pháp riêng và không có một từ vị cơ bản mà phải mượn ngữ pháp và từ vị cơ bản trong ngữ ngôn dân tộc. Lẽ nữa là vì những thổ âm và kỳ ngữ chỉ có một phạm vi lưu hành hẹp hòi trong những tầng lớp trên của giai cấp này hay giai cấp nọ, và hoàn toàn không thể dùng làm phương tiện giao tiếp giữa mọi người, giao tiếp cho toàn thể xã hội được. Vậy thì đấy là cái gì ? Đấy là một mớ những từ riêng biệt nào đó của họ, phản ánh những ý thưởng thức đặc biệt của bọn quý tộc hay những tầng lớp trên của giai cấp tư sản ; một số những thành ngữ và lời nói kiểu cách phân biệt bằng tế nhị, bằng ý thức tình tứ và chọn lọc khỏi những tiếng « thô kệch » trong ngữ ngôn dân tộc ; và, sau hết, đấy là một số những từ ngoại quốc. Nhưng, căn bản, tức là tối đại đa số những từ và hệ thống ngữ pháp đều rút trong ngữ ngôn dân tộc, chung cho toàn dân. Vì thế, thổ âm và kỳ ngữ là những nhánh phụ của ngữ ngôn dân tộc chung cho toàn dân, thiếu hẳn tính chất độc lập của một ngữ ngôn và chỉ sống một cách vất vưởng. Tin rằng thổ âm và kỳ ngữ có thể phát triển thành những ngữ ngôn độc lập, đủ tính cách đánh bạt ngữ ngôn dân tộc và thay thế ngữ ngôn ấy, tin như thế là bỏ quan điểm lịch sử* và mất lập trường mác-xít.

Có người dẫn lời Mác trong bài « Thánh Mắc »** nói rằng những người tư sản có « ngữ ngôn riêng của họ », ngữ ngôn ấy « là sản phẩm của giai cấp tư sản », và ngữ ngôn ấy mang dấu vết của tinh thần con buôn, tinh thần mua bán. Có những đồng chí đưa trích dẫn ấy ra, muốn chứng minh rằng Mác, theo lời họ thì, đã

---

* perdre la perspective historique. *(N D.)*

** Saint Max. *(N.D.)*

nhận ngữ ngôn là có «tính chất giai cấp», và phủ nhận sự tồn tại của ngữ ngôn thống nhất của dân tộc. Giá những đồng chí ấy nhìn vấn đề đó một cách khách quan, thì họ đã phải trích dẫn thêm một đoạn khác, cũng trong bài « Thánh Mắc », trong đó, Mác bàn về bước đường thành lập của một ngữ ngôn dân tộc thống nhất, đã nói rằng « những thổ âm tập trung thành ngữ ngôn dân tộc thống nhất, do sự tập trung kinh tế và chính trị gây nên ».

Như thế, tức là Mác thừa nhận ngữ ngôn dân tộc *thống nhất* là tất yếu và coi đó là hình thức cao, mà thổ âm, hình thức thấp hơn, phải phụ thuộc theo.

Vậy thì ngữ ngôn của tư sản, ngữ ngôn « sản phẩm của giai cấp tư sản », như Mác đã nói, là gì? Có phải Mác cho đó là một ngữ ngôn dân tộc có cơ cấu ngữ ngôn riêng chăng? Có thể nào Mác lại coi đó là một ngữ ngôn như thế chăng? Tất nhiên là không. Mác chỉ muốn nói rằng giai cấp tư sản đã làm nhơ bợn ngữ ngôn dân tộc thống nhất, với những kỳ ngữ con buôn của họ; và như vậy, tức là nói giai cấp tư sản chỉ có một thứ kỳ ngữ con buôn của họ mà thôi.

Điều đó chứng tỏ rằng những đồng chí nói trên đã xuyên tạc quan điểm của Mác, và xuyên tạc quan điểm ấy chính là vì họ không chứng dẫn Mác theo lối mác-xít mà theo lối kinh viện, họ không nắm được thực chất của vấn đề.

Có người chứng dẫn Ăng-ghen, lấy một câu trong cuốn *Tình hình các giai cấp cần lao ở Anh,* trong đó, Ăng-ghen nói rằng : «... giai cấp công nhân Anh, với thời gian, đã trở thành những người khác hẳn giai cấp tư sản Anh »; « những người công nhân nói một thổ âm khác, có những ý tưởng và quan niệm khác, phong

tục và nguyên tắc đạo đức khác, tôn giáo và chính trị cũng khác với giai cấp tư sản ». Những đồng chí căn cứ vào lời dẫn ấy, đã đi đến kết luận rằng Ăng-ghen phủ nhận sự cần thiết của một ngữ ngôn dân tộc, chung cho toàn dân, và như thế, tức là Ăng-ghen nhận có một ngữ ngôn « giai cấp ». Quả thật là ở đây, Ăng - ghen không nói đến ngữ ngôn, mà nói đến thổ âm; Ăng-ghen thừa biết rằng thổ âm, đã là nhánh phụ của ngữ ngôn dân tộc, thì không thể nào lại thay thế ngữ ngôn dân tộc được. Song, những đồng chí ấy, rõ ràng, nào có thích cho ngữ ngôn và thổ âm khác nhau như thế được...

Lời dẫn ấy dĩ nhiên là không nhầm chỗ vì Ăng-ghen ở đây không nói về « ngữ ngôn giai cấp », mà chủ yếu nói về những ý tưởng, quan niệm, phong tục, nguyên tắc đạo đức, tôn giáo và chính trị giai cấp. Nói rằng những ý tưởng, quan niệm, phong tục, nguyên tắc đạo đức, tôn giáo và chính trị của tư sản và của vô sản trái ngược hẳn nhau, điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng điều đó có quan hệ gì đến ngữ ngôn dân tộc hay ngữ ngôn « giai cấp » ở đây? Sự tồn tại của những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội có thể là một lý lẽ để bênh vực thuyết ngữ ngôn « giai cấp » hay bác bỏ sự cần thiết của ngữ ngôn dân tộc thống nhất chăng? Chủ nghĩa Mác dạy rằng sự cộng đồng về ngữ ngôn là một trong những biểu hiệu trọng yếu nhất của một dân tộc, đồng thời hoàn toàn nhận có những mâu thuẫn giai cấp trong lòng dân tộc. Các đồng chí nói trên có thừa nhận thuyết mác-xít đó chăng?

Có người chứng dẫn La-phác-go* trong sách *Ngữ ngôn Pháp trước và sau cách mạng*, nói rằng La-phác-go

---

* Lafargue. *(N.D.)*

thừa nhận « tính chất giai cấp » của ngữ ngôn và phủ nhận sự cần thiết của ngữ ngôn dân tộc, chung cho toàn dân. Điều đó không đúng. Quả thật La-phác-gơ có nói về ngữ ngôn của bọn « quý tộc » hay của bọn « quyền môn » và nói về những « kỳ ngữ » của các tầng lớp trong xã hội. Song những đồng chí ấy quên rằng La-phác-gơ tuy không chú ý đến sự khác nhau giữa ngữ ngôn và kỳ ngữ, và trong khi gọi thổ ngữ hoặc là « ngữ ngôn giả tạo » hoặc là « kỳ ngữ », nhưng La-phác-gơ đã nói dứt khoát trong sách ấy rằng « ngôn ngữ * giả tạo mà bọn quý tộc dùng để tự phân biệt đó... là do ngữ ngôn thông thường mà ra, ngữ ngôn này thì người tư sản và người thợ thủ công, thành thị và thôn quê, cũng đều nói cả ».

Vậy thì La-phác-gơ đã thừa nhận ngữ ngôn toàn dân là có và cần thiết, vì La-phác-gơ thừa hiểu tính chất phụ thuộc và tùy thuộc của « ngữ ngôn quyền quý », của những thổ âm và kỳ ngữ khác đối với ngữ ngôn chung cho toàn dân.

Điều đó chứng tỏ việc trích dẫn La-phác-gơ kia là không căn cứ.

Còn có dẫn tích nói rằng ở nước Anh, trong một thời nào đó, bọn phong kiến Anh nói tiếng Pháp « cả hàng thế kỷ », trong khi đó, thì dân chúng Anh nói tiếng Anh, rồi vin vào trường hợp ấy làm cái lý để biện hộ cho thuyết ngữ ngôn « giai cấp » và bác bỏ không cho ngữ ngôn chung của toàn dân là cần thiết. Nhưng điều đó chỉ có tính cách một dật sử** hơn là một lý lẽ. Lẽ thứ nhất là trong thời kỳ ấy, không phải tất

---

* Chúng tôi chú ý phân biệt dịch *langue* là *ngữ ngôn* và *langage* là *ngôn ngữ*. *(N.D.)*

** Anecdote. *(N.D.)*.

cả bọn phong kiến đều nói tiếng Pháp, mà chỉ một số rất ít, không đáng kể, ấy là bọn đại phong kiến Anh ở triều đình nhà vua và trong những lãnh khu của họ mà thôi. Lẽ thứ hai là họ không nói một thứ « ngữ ngôn giai cấp » nào khác hơn là thứ ngữ ngôn Pháp thường và chung cho toàn dân. Lẽ thứ ba là, như chúng ta đã biết, sự quá sinh tiếng Pháp ấy sau đó đã tiêu tan đi rồi. Không để lại một dấu tích nào và đã nhường chỗ cho ngữ ngôn Anh chung cho toàn dân. Có phải những đồng chí ấy tưởng rằng « trải qua hàng thế kỷ » bọn quý tộc Anh và nhân dân Anh đã dùng thông ngôn để nói với nhau chăng? Rằng bọn phong kiến Anh đã không dùng ngôn ngữ Anh chăng? Rằng lúc bấy giờ không có ngôn ngữ Anh chung cho toàn dân chăng? Rằng ngữ ngôn Pháp hồi ấy, ở nước Anh, lại có một địa vị quan trọng nào hơn là một thứ ngữ ngôn khách thính, chỉ dùng trong những nhóm nhỏ hẹp của đại quý tộc Anh chăng? Như thế sao lại có thể dựa được vào những lý lẽ hoang đường ấy mà phủ nhận sự tồn tại và cần thiết của ngữ ngôn chung của nhân dân?

Bọn quyền quý Nga đã có lần rất sính tiếng Pháp trong triều đình Nga hoàng và các khách thính. Chúng khoe rằng khi nói tiếng Nga, chúng thường ngập ngọng với tiếng Pháp, và chỉ biết nói tiếng Nga với giọng Pháp. Có phải như thế nghĩa là, hồi đó ở Nga không có một ngữ ngôn Nga chung cho toàn dân chăng? và ngữ ngôn chung cho toàn dân là một hư tưởng, còn « ngữ ngôn giai cấp » mới thật sự tồn tại chăng?

Các đồng chí chúng ta đã phạm ở đây, ít ra là hai sai lầm.

Sai lầm thứ nhất: họ đã lẫn lộn ngữ ngôn với thượng tầng. Họ tưởng rằng nếu thượng tầng có tính chất giai cấp, thì ngữ ngôn cũng thế, không thể có tính

chất toàn dân được, mà phải là ngữ ngôn giai cấp. Nhưng, như tôi đã nói, ngữ ngôn và thượng tầng là hai khái niệm khác nhau, nên người mác-xít không được phép lẫn lộn hai điều đó.

Sai lầm thứ hai : những đồng chí ấy nhìn vào những quyền lợi trái ngược nhau của tư bản và vô sản, nhìn vào cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt mà nhận rằng như thế là xã hội bị tan rã và các dây liên hệ bị cắt đứt hẳn giữa những giai cấp đối địch. Họ cho rằng khi xã hội đã bị tan rã, khi không còn xã hội thống nhất nữa mà chỉ còn có giai cấp không thôi, thì không cần thiết phải có một ngữ ngôn thống nhất cho toàn xã hội nữa, không cần thiết phải có một ngữ ngôn dân tộc nữa. Vậy thì còn cái gì, nếu xã hội đã bị phân liệt và không còn ngữ ngôn dân tộc, chung cho toàn dân nữa? Còn các giai cấp và các « ngữ ngôn giai cấp ». Như thế, lẽ tự nhiên, tức là mỗi « ngữ ngôn giai cấp » sẽ có một ngữ pháp « giai cấp » riêng, — ngữ pháp « vô sản » và ngữ pháp « tư sản ». Thật ra, trong thực tế, không hề có thứ ngữ pháp nào như thế, nhưng đó há phải là điều đáng cho các đồng chí ấy quản ngại, vì họ tin rằng rồi đây những ngữ pháp ấy sẽ xuất hiện !

Có một lúc, chúng ta đã có những « nhà mác-xít » chủ trương rằng những đường xe lửa còn lại trong nước ta, sau Cách mạng tháng Mười, đều có tính chất tư sản cả ; vậy chúng ta, những người mác-xít, chúng ta không nên dùng nữa ; chúng ta phải phá hủy đi để chế tạo đường xe lửa mới, đường xe lửa « vô sản ». Với những lý luận ấy, họ đã được tặng cái danh hiệu là « bọn người ở lỗ ».

Lẽ tự nhiên, những kiến giải vô chính phủ cổ lỗ* ấy về xã hội, về giai cấp, về ngữ ngôn, không có gì dính

* anarchisme primitif *(N.D.)*

dáng đến chủ nghĩa Mác cả. Thế mà, nó lại cứ tồn tại được và còn tồn tại dai dẳng trong đầu óc lạc hướng của một số các đồng chí ta.

Lẽ tự nhiên, là sai nếu nói vì đấu tranh giai cấp dữ dội mà xã hội đã bị phân liệt hẳn ra thành từng giai cấp không dính dáng gì với nhau về mặt kinh tế, trong lòng một xã hội duy nhất. Trái hẳn thế. Khi nào chủ nghĩa tư bản còn thì tư sản và vô sản còn phải có mọi mối liên hệ với nhau trong sinh hoạt kinh tế, thành những bộ phận cấu thành của một xã hội tư bản chủ nghĩa duy nhất. Bọn tư sản không thể sống và làm giàu được, nếu không dùng những công nhân làm thuê cho mình, và những người vô sản cũng không thể sống còn được, nếu không bán sức mình cho tư bản. Cắt đứt mọi liên hệ kinh tế giữa họ với nhau, tức là làm đình chỉ mọi sự sản xuất, và đình chỉ mọi sản xuất là đưa xã hội đến chỗ chết, và đưa ngay cả các giai cấp đến chỗ chết. Thật ra, không giai cấp nào lại muốn tự hãm mình vào chỗ diệt vong. Cho nên, đấu tranh giai cấp, dù sâu sắc đến mức nào chăng nữa, cũng không thể đưa đến chỗ phân liệt xã hội được. Chỉ có không biết gì đến chủ nghĩa Mác, chỉ có thiếu hẳn nhận thức đúng đắn về bản chất của ngữ ngôn, mới khiến đầu óc các đồng chí chúng ta đón lấy những câu chuyện hoang đường về phân liệt xã hội, về ngữ ngôn «giai cấp», về ngữ pháp «giai cấp».

Lại có người dẫn chứng Lê-nin, và nói Lê-nin nhìn nhận sự tồn tại của hai văn hóa, dưới chế độ tư bản, văn hóa tư sản và văn hóa vô sản; và cho khẩu hiệu văn hóa dân tộc, dưới chế độ tư bản, là khẩu hiệu dân tộc chủ nghĩa. Quả thực như thế, và Lê-nin hoàn toàn đúng. Nhưng điều đó có quan hệ gì đến ngữ ngôn «giai cấp» ở đây? Dẫn chứng Lê-nin về hai văn

hóa, dưới chế độ tư bản, những đồng chí ấy rõ ràng muốn làm cho độc giả tin rằng trong xã hội có hai văn hóa, văn hóa vô sản và văn hóa tư sản, thì cũng phải có hai ngữ ngôn, nhất là ngữ ngôn và văn hóa lại mật thiết liên hệ với nhau, — do đó, họ kết luận rằng Lê-nin phủ nhận sự cần thiết của ngữ ngôn dân tộc thống nhất, rằng Lê-nin chủ trương ngữ ngôn « giai cấp ». Sự sai lầm của các đồng chí ấy ở đây là họ nhập làm một và lẫn lộn ngữ ngôn với văn hóa. Thực ra, văn hóa và ngữ ngôn là hai cái khác hẳn nhau. Văn hóa có thể có tính chất vô sản hay tư sản, còn ngữ ngôn, đã là phương tiện giao tiếp, thì bao giờ cũng là ngữ ngôn của toàn dân và có thể phụng sự cả văn hóa tư sản lẫn văn hóa vô sản. Há không phải rõ ràng ngữ ngôn Nga, U-cơ-ren, U-dơ-béc hiện nay cũng đang phụng sự văn hóa xã hội chủ nghĩa của những dân tộc ấy, như là đã phụng sự văn hóa tư sản ngày trước, khi Cách mạng tháng Mười chưa nổ ra sao? Điều đó chứng tỏ những đồng chí ấy sai vô cùng, khi nhận rằng sự tồn tại của hai văn hóa khác nhau đã đưa đến chỗ hình thành hai ngữ ngôn khác nhau và cho phép phủ nhận sự cần thiết của ngữ ngôn thống nhất.

Khi nói về hai văn hóa, chính Lê-nin đã đi từ điểm xuất phát này: sự tồn tại của hai văn hóa không thể có nghĩa là phủ nhận ngữ ngôn thống nhất và tạo ra hai ngữ ngôn riêng, trái lại, ngữ ngôn phải được thống nhất. Khi phái Bun* buộc cho Lê-nin là phủ nhận sự cần thiết của ngữ ngôn dân tộc và coi văn hóa là « phi dân tộc », Lê-nin, — như chúng ta đều biết — đã kịch liệt phản đối lại và tuyên bố chống văn hóa tư sản, chứ không chống ngữ ngôn dân tộc, và cho sự cần thiết

---

* Bund. *(N.D.)*

phải có ngữ ngôn dân tộc là một sự thật không thể chối cãi được. Khá lạ kỳ là một số trong những đồng chí chúng ta lại đi giẫm vào vết chân của phái Bun ngày trước.

Còn về ngữ ngôn thống nhất, mà người ta nghi cho Lê-nin là đã phủ nhận và không cho là cần thiết phải có, tôi tưởng cần nhắc lại cho mọi người chú ý câu này của Lê-nin :

« Ngữ ngôn là phương tiện giao tiếp tối quan trọng giữa người với người, sự thống nhất của ngữ ngôn và sự phát triển không ngừng của ngữ ngôn là một trong những điều kiện tối quan trọng cho việc trao đổi thương mại được thật sự tự do và rộng rãi, thích hợp với chế độ tư bản đương thời, cũng như cho sự phân hóa, tự do và rộng rãi, dân cư thành những giai cấp khác nhau. »

Như thế, rõ ràng các đồng chí đáng kính ấy đã làm sai lạc ý kiến của Lê-nin.

Sau hết, còn có trích dẫn Sta-lin nữa. Họ viện câu của Sta - lin nói rằng « giai cấp tư sản và những đảng dân tộc chủ nghĩa của họ đã và vẫn là lực lượng chính lãnh đạo những dân tộc đó trong giai đoạn này ». Điều đó đúng. Giai cấp tư sản và đảng dân tộc chủ nghĩa của tư sản quả thật đang lãnh đạo văn hóa tư sản, cũng y như giai cấp vô sản và đảng quốc tế chủ nghĩa của vô sản đang lãnh đạo văn hóa vô sản. Song điều đó có quan hệ gì đến ngữ ngôn « giai cấp » nhỉ ? Những đồng chí ấy quên rằng ngữ ngôn dân tộc là một hình thức của văn hóa dân tộc chăng ? Rằng ngữ ngôn dân tộc có thể phụng sự cả văn hóa tư sản lẫn văn hóa xã hội chủ nghĩa chăng ? Các đồng chí ta há đã quên thuyết mác - xít trứ danh mà ai cũng biết, dạy rằng

những văn hóa hiện nay của Nga, U-cơ-ren, Bạch-Nga và nhiều văn hóa khác nữa đều có tính chất xã hội chủ nghĩa trong nội dung và dân tộc về hình thức, tức là về mặt ngữ ngôn? Những đồng chí ấy có tán thành thuyết mác-xít đó chăng?

Sai lầm mà các đồng chí ta đã phạm là ở chỗ họ không nhìn thấy văn hóa và ngữ ngôn khác nhau thế nào, và không hiểu rằng văn hóa biến đổi nội dung, với mỗi giai đoạn phát triển mới của xã hội, còn ngữ ngôn thì căn bản vẫn cứ là một, trong nhiều thời kỳ và phụng sự đều đủ cả văn hóa mới lẫn văn hóa cũ.

Cho nên:

a) Ngữ ngôn là phương tiện giao tiếp thì từ trước đến giờ và hiện nay vẫn là thống nhất cho xã hội và là ngữ ngôn chung cho mọi người trong xã hội;

b) Sự tồn tại của thổ âm và kỳ ngữ, đã không hề phủ nhận, mà còn xác nhận sự tồn tại của ngữ ngôn chung cho toàn dân; thổ âm, kỳ ngữ chỉ là nhánh phụ của ngữ ngôn toàn dân và phụ thuộc ngữ ngôn toàn dân;

c) Thuyết ngữ ngôn «giai cấp» là thuyết sai lầm, phi mác-xít.

HỎI: *Những đặc tính của ngữ ngôn là gì?*

ĐÁP: Ngữ ngôn là một trong những hiện tượng xã hội, tác động trong suốt thời kỳ tồn tại của xã hội. Ngữ ngôn phát sinh và phát triển cùng với xã hội phát sinh và phát triển. Ngữ ngôn tiêu diệt đồng thời với xã hội tiêu diệt. Ngoài xã hội không có ngữ ngôn. Cho nên người ta chỉ có thể hiểu một ngữ ngôn và luật phát triển của nó là khi nào người ta nghiên cứu nó theo sát với lịch sử của xã hội, lịch sử của nhân dân có ngữ ngôn ấy, sáng lập ra và bảo tồn, sử dụng ngữ ngôn ấy.

Ngữ ngôn là một phương tiện, một công cụ, nhờ đó người ta giao tiếp với nhau, trao đổi ý kiến và đi đến hiểu biết lẫn nhau. Vì trực tiếp gắn liền với tư tưởng nên ngữ ngôn nhờ những từ và những kết hợp của từ họp thành câu mà ghi được và cố định những kết quả của công tác tư tưởng, những tiến bộ của con người trong lĩnh vực tri thức ; do đó mà khiến cho sự trao đổi ý kiến trong xã hội có thể thực hiện được.

Trao đổi ý kiến là một sự cần thiết thường xuyên và sinh động. Không có sự trao đổi ấy, thì không thể có hành động chung của con người trong cuộc đấu tranh chống các lực lượng của tự nhiên, đấu tranh để sản xuất những của cải vật chất thiết yếu ; không thể có những tiến bộ trong hoạt động sản xuất của xã hội, tức là ngay cả sự sản xuất xã hội cũng không thể có được. Cho nên, nếu không có một ngữ ngôn toàn xã hội thông hiểu được và chung cho tất cả mọi phần tử trong xã hội, thì xã hội sẽ không sản xuất được nữa, sẽ phân liệt và không tồn tại thành xã hội được. Trong ý nghĩa ấy, ngữ ngôn là một công cụ giao tiếp, thì cũng là một công cụ đấu tranh và phát triển của xã hội.

Như chúng ta đã biết, tất cả những từ trong ngữ ngôn hợp lại thành cái mà người ta gọi là từ vị* của ngữ ngôn. Phần chủ yếu của từ vị trong một ngữ ngôn là nền ngữ từ cơ bản** mà cái cốt của nó thì bao gồm tất cả những từ gốc. Cái nền ngữ từ cơ bản ấy, so với từ vị thì hẹp hơn nhiều, song nó sống rất lâu, cả hàng thế kỷ, và cấp cho ngữ ngôn một căn bản để cấu tạo từ mới. Từ vị phản ánh trạng thái của ngữ ngôn ; từ

---

* Vocabulaire đúng ra thì phải gọi là *từ vựng*, tiếng *vị* dùng sai, nhưng vì đã quá thông dụng, nên chúng tôi dùng theo. *(N.D.)*

** Fonds lexique essentiel. *(N.D.)*

vị càng phong phú và phức tạp bao nhiêu thì ngữ ngôn càng dồi dào và tiến triển bấy nhiêu.

Tuy nhiên, từ vị tách riêng ra chưa phải là ngữ ngôn — mà chỉ là vật liệu cần thiết để cấu tạo ngữ ngôn. Nếu riêng vật liệu không thể coi là nhà cửa được, tuy không có vật liệu không thể có nhà cửa, thì từ vị trong một ngữ ngôn cũng thế, từ vị không phải là ngữ ngôn, tuy không có từ vị thì không thể có ngữ ngôn. Nhưng từ vị của một ngữ ngôn có một tác dụng rất lớn, khi nó được ngữ pháp của một ngữ ngôn chi phối; ngữ pháp đặt ra quy tắc để biến hóa từ, kết hợp từ thành câu, và do đó, làm cho ngữ ngôn có tính chất điều lý và dễ hiểu*. Ngữ pháp (phép biến hóa từ hình và phép đặt câu)** là tổng hợp những quy tắc quyết định sự biến hóa của từ*** và sự kết hợp từ thành câu. Cho nên, chính phải nhờ vào ngữ pháp, ngữ ngôn mới có khả năng làm cho tư tưởng của người ta có được hình thức vật chất có ngữ tính****.

Đặc tính của ngữ pháp là nó đặt ra phép biến hóa cho từ, không nhằm những từ cụ thể nhất định nào, mà nhằm những từ nói chung, không chút cụ thể tính nào cả; là nó định ra phép đặt câu, nhưng không nhằm những câu cụ thể nào nhất định, chẳng hạn như một chủ từ cụ thể, một động từ cụ thể, v.v... mà, nói chung nhằm tất cả các câu, bất kể hình thức cụ thể của câu này hay câu nọ. Vì thế, ngữ pháp loại trừ các cái gì là đặc biệt và cụ thể, cả trong các từ lẫn câu, và lấy các điểm chung làm cơ sở cho phép biến hóa từ và phép

---

* Harmonieux et réfléchi (bản dịch của Editions Sociales), *(N.D.)*

** Morphologie et syntaxe, *(N.D.)*

*** Variation flexionnelle des mots. *(N.D)*

**** Enveloppe matérielle linguistique. *(N.D.)*

kết hợp từ thành câu, rồi do đó, đặt ra quy tắc ngữ pháp, luật lệ ngữ pháp. Ngữ pháp là kết quả công tác trừu tượng hóa* lâu ngày của tư duy nhân loại, là biểu thị những tiến bộ lớn lao của tư duy.

Về phương diện này, ngữ pháp làm cho ta nhớ đến một đặc tính của hình học là đặt ra luật lệ bằng cách trừu tượng hóa những vật cụ thể, coi những vật ấy như những vật không có tính chất cụ thể, và định mối liên hệ giữa những vật ấy không coi như những liên hệ cụ thể của những vật cụ thể nào nhất định, mà như những liên hệ giữa những vật nói chung, không có chút cụ thể tính nào cả.

Thượng tầng quan hệ với sản xuất, không bằng cách trực tiếp, mà do kinh tế làm trung gian, còn ngữ ngôn thì trái hẳn lại, quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất của con người, cũng như với tất cả các hoạt động khác của người ta, trong tất cả các lĩnh vực công tác, không trừ một lĩnh vực nào cả. Cho nên từ vị của một ngữ ngôn đã là bộ phận dễ chuyển biến nhất, thì nó ở trong tình trạng gần như liên miên biến đổi. Ngữ ngôn còn khác với thượng tầng ở chỗ nó không đợi hạ tầng bị thủ tiêu, nó sửa đổi từ vị ngay từ khi hạ tầng chưa bị thủ tiêu và không kể gì đến tình trạng của hạ tầng cả.

Tuy nhiên, từ vị của một ngữ ngôn thay đổi không đúng như cách thượng tầng thay đổi, nó không thay đổi bằng cách thủ tiêu cái cũ và xây dựng lên cái mới, mà bằng cách tự bồi thêm những từ mới cùng xuất hiện với những biến đổi trong chế độ xã hội, với sự phát triển của sản xuất với sự tiến bộ của văn hóa, của khoa học, v.v... Đồng thời, tuy có một số từ cũ kỹ nào

---

* abstraction. *(N.D.)*

đó bị loại ra khỏi từ vị, song lại có một số từ mới nhiều hơn gấp bội được bồi bổ thêm vào. Còn cái nền của từ vị cơ bản, thì đại thể, vẫn được bảo toàn và được dùng làm cơ sở cho từ vị của ngữ ngôn.

Điều đó rất dễ hiểu. Không cần thiết phải phá hủy nền cơ bản của từ vị, trong khi nó còn có thể dùng được có hiệu quả trong nhiều thời kỳ lịch sử, ấy là chưa nói nếu phá hủy nền từ vị cơ bản, do bao nhiêu thế kỷ mới bồi đắp nên, mà lại chưa thể tạo ngay ra một từ vị cơ bản mới trong một thời gian ngắn, như thế sẽ làm tê liệt ngữ ngôn và làm rối loạn mối quan hệ giữa mọi người.

Hệ thống ngữ pháp của ngữ ngôn biến đổi còn chậm chạp hơn nền cơ bản của từ vị nữa. Được gây dựng lên trong nhiều thế kỷ và đã hợp làm một với ngữ ngôn, hệ thống ngữ pháp biến đổi còn chậm hơn từ vị cơ bản nữa. Lẽ tự nhiên, hệ thống ngữ pháp, trải qua thời gian, chịu nhiều biến đổi, nó tự cải tiến, tự tu bổ và làm cho những quy luật được chính xác hơn, tự súc tích thêm bằng nhiều quy luật mới, song cơ sở của hệ thống ngữ pháp vẫn được bảo tồn trong một khoảng thời gian rất lâu, vì, như lịch sử đã chứng tỏ, cơ sở ấy có thể dùng cho xã hội một cách có hiệu quả trong nhiều thời đại.

Cho nên, hệ thống ngữ pháp của ngữ ngôn và từ vị cơ bản là cơ sở của ngữ ngôn, là thực chất của những đặc tính riêng biệt của nó.

Lịch sử chứng rằng ngữ ngôn có sức kiên định đến cùng và sức chống chọi rất mãnh liệt đối với mọi sự cưỡng hóa *. Nhiều nhà sử học, đáng lẽ phải minh giải hiện tượng ấy, thì lại chỉ tỏ vẻ ngạc nhiên thôi. Song,

---

* Cưỡng hóa (assimilation forcée), tức là cưỡng bách đồng hóa *(N.D.)*

nào có gì đâu là đáng ngạc nhiên. Sức kiên định của ngữ ngôn là do sức kiên định của hệ thống ngữ pháp và của nền từ vị cơ bản mà ra. Cả hàng thế kỷ trước kia, bọn chinh hóa * Thổ-nhĩ-kỳ đã cố sức hủy hoại, tiêu diệt và làm mất tích những ngữ ngôn của các dân Ban-can **. Trong thời gian ấy, từ vị của những ngữ ngôn Ban-can thay đổi rất nhiều, một số những từ và ngữ Thổ được thu nhận ; có « hỗn hợp », có « phân ly » ***, song những ngữ ngôn Ban-can vẫn bền vững và cứ sống. Tại sao ? Vì hệ thống ngữ pháp và nền từ vị cơ bản của những ngữ ngôn ấy, trên đại thể, vẫn được bảo tồn.

Do tất cả những điều đó, ta thấy ngữ ngôn và cơ cấu của nó không thể được coi như sản phẩm của một thời đại đơn độc nào. Cơ cấu của ngữ ngôn với hệ thống ngữ pháp của nó và từ vị cơ bản đều là sản phẩm của nhiều thời đại liên tiếp.

Có thể nói chắc rằng những yếu tố của ngữ ngôn hiện đại đã có từ thời cổ đại, trước thời nô lệ. Ngữ ngôn, hồi đó không phiền phức, chỉ có một từ vị rất nghèo nàn, tuy nhiên nó vẫn có một hệ thống ngữ pháp riêng biệt của nó, cổ lỗ thật, song cũng vẫn là một hệ thống ngữ pháp.

Sản xuất sau này phát triển hơn lên, các giai cấp xuất hiện, văn tự ra đời, quốc gia nảy sinh với bộ máy hành chính cần có giao dịch thư từ có quy thức ít nhiều, nền thương nghiệp trưởng thành càng cần sự giao dịch thư từ có quy thức nhiều hơn nữa, báo chí ấn loát xuất hiện, văn học tiến lên, tất cả những điều đó đã đưa lại

---

* Chinh hóa (assimilateurs) là bọn đi chinh phục và đồng hóa. *(N.D.)*

** Balkan. *(N.D.)*

*** Hỗn hợp (convergences), phân ly (divergences). *(N.D.)*

những biến đổi lớn lao trong sự phát triển của ngữ ngôn. Trong thời kỳ ấy, những bộ lạc và bộ tộc tự phân chia và phân tán kết hợp và phối hợp; rồi thì, những ngữ ngôn dân tộc và những quốc gia dân tộc ra đời, các cuộc đảo lộn cách mạng xẩy ra, những chế độ xã hội cũ được thay thế bằng những chế độ khác. Tất cả những điều đó đưa lại còn nhiều thay đổi hơn nữa trong ngữ ngôn và trong sự phát triển của ngữ ngôn.

Tuy vậy, nếu nghĩ rằng sự phát triển của ngữ ngộn cũng giống như sự phát triển của thượng tầng, nghĩa là bằng cách phá hủy cái hiện có để mà tạo lập ra cái mới, thì là lầm to. Thật ra, sự phát triển của ngữ ngôn không theo con đường phá hủy ngữ ngôn hiện có và tạo ra ngữ ngôn mới, mà theo con đường phát triển và cải tiến những yếu tố căn bản của ngữ ngôn hiện có. Và sự chuyển biến, từ tính chất này của ngữ ngôn qua tính chất khác, tuyệt không diễn ra bằng cách bùng nổ, đột nhiên phá hủy cái cũ và tạo lập ra cái mới, mà bằng cách tuần tự, lâu dài, tích góp những yếu tố của tính chất mới của cơ cấu mới của ngữ ngôn bằng cách tiêu ma lần hồi những yếu tố của tính chất cũ.

Có người nói thuyết ngữ ngôn phát triển theo từng giai đoạn là một thuyết mác-xít, vì thuyết ấy nhận định cần phải có những đột biến làm điều kiện cho ngữ ngôn biến chuyển từ tính chất cũ qua tính chất mới. Nói thế hiển nhiên là sai, vì khó mà thấy được cái gì là mác-xít trong thuyết ấy. Còn nếu quả thuyết phát triển theo giai đoạn thực sự nhìn nhận sự đột biến trong lịch sử phát triển của ngữ ngôn, thì thật đáng đời cho thuyết ấy. Chủ nghĩa Mác không thừa nhận sự đột biến trong quá trình phát triển của ngữ ngôn, không thừa nhận sự đột nhiên tiêu vong của ngữ ngôn hiện có, sự đột nhiên xuất hiện của một ngữ ngôn mới. La-phác-gơ đã lầm

khi ông ta nói rằng một « cuộc cách mạng đột phát đã nổ ra trong ngữ ngôn, từ 1789 đến 1794 » ở Pháp (xem cuốn *Ngữ ngôn Pháp trước và sau cách mạng* của La-phác-gơ). Không có cuộc cách mạng nào xẩy ra trong ngữ ngôn ở Pháp thời ấy cả, mà nói một cuộc cách mạng đột phát thì lại càng không có. Dĩ nhiên, trong thời kỳ ấy, từ vị của ngữ ngôn Pháp được bồi bổ thêm nhiều từ và ngữ mới; những từ cũ kỹ bị loại ra, ý nghĩa của một số từ thay đổi đi, — chỉ có thế thôi. Song những thay đổi như thế tuyệt không quyết định gì được số phận của ngữ ngôn. Bộ phận chủ yếu của một ngữ ngôn là hệ thống ngữ pháp và từ vị cơ bản. Song, hệ thống ngữ pháp và từ vị cơ bản của tiếng Pháp, đã không biến đi, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp, mà còn được bảo tồn, không bị một suy suyển nào lớn cả. Không những được bảo tồn mà lại còn tiếp tục tồn tại đến cả ngày nay nữa trong ngữ ngôn Pháp hiện đại. Ấy là chưa nói nếu bỏ một ngữ ngôn hiện có đi để tạo ra một ngữ ngôn dân tộc mới (bằng một cuộc « cách mạng đột phát trong ngữ ngôn » !) thì một thời gian năm, sáu năm có thấm vào đâu, — phải hàng thế kỷ.

Chủ nghĩa Mác dạy rằng sự chuyển biến của một ngữ ngôn, từ tính chất cũ qua tính chất mới, xẩy ra không phải bằng cách đột biến, bằng cách phá hủy ngữ ngôn hiện có để tạo nên một ngữ ngôn mới, mà bằng cách tuần tự súc tích những yếu tố có tính chất mới, tức nhiên, với sự tiêu vong lần hồi của những yếu tố có tính chất cũ.

Nói chung, cần để các đồng chí quá say mê đột biến ấy nhớ lấy rằng: luật biến chuyển, từ tính chất cũ qua tính chất mới, bằng đột biến, không áp dụng được vào lịch sử phát triển của ngữ ngôn, nó cũng không phải luôn luôn áp dụng được vào những hiện tượng xã hội

khác quan hệ đến hạ tầng hay thượng tầng. Luật ấy nhất thiết đúng cho xã hội còn bị phân ra giai cấp đối lập, song không nhất thiết đúng cho xã hội không còn giai cấp đối lập. Trong vòng 8 hay 10 năm, chúng ta đã thực hiện trong nông nghiệp xứ ta một cuộc biến chuyển từ chế độ tư sản, chế độ nông nghiệp cá thể, qua chế độ nông trường tập thể xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó đã thủ tiêu chế độ kinh tế tư sản cũ ở thôn quê và tạo lập nên chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sự biến thiên ấy không tiến hành qua con đường đột biến, nghĩa là không do sự đánh đổ quyền lực hiện có để tạo nên quyền lực mới, mà bằng cách tuần tự biến chuyển, từ chế độ tư sản cũ ở nông thôn qua chế độ mới. Và sở dĩ có thể làm được như thế là vì đó là cuộc cách mạng, từ trên xuống, một biến thiên do chính quyền hiện hữu đã gây ra, với sự ủng hộ của quần chúng chủ yếu trong nông dân.

Có người nói rằng trong lịch sử, có nhiều trường hợp phối hợp giữa những ngữ ngôn cho phép ta ức đoán rằng, trong sự phối hợp ấy, một ngữ ngôn mới được tạo ra bằng cách đột biến, bằng sự đột nhiên biến chuyển, từ tính chất cũ qua tính chất mới. Đó là một điều tuyệt đối sai lầm.

Sự phối hợp giữa những ngữ ngôn không thể coi là một hành vi đơn nhất, một việc dứt khoát đưa lại kết quả trong khoảng vài ba năm. Sự phối hợp giữa những ngữ ngôn là một quá trình trường kỳ, kéo dài hàng thế kỷ. Như thế, không thể nói có đột biến nào ở đây được.

Nói tiếp tới. Nếu ai nghĩ rằng, do sự phối hợp của hai ngữ ngôn chẳng hạn, mà một ngữ ngôn mới, ngữ ngôn thứ ba, sẽ xuất hiện, khác hẳn những ngữ ngôn phối hợp, khác về tính chất đối với cả hai ngữ ngôn cũ, — nghĩ như thế là hoàn toàn sai. Sự thật, trong sự

phối hợp, thường thường một trong hai ngữ ngôn sẽ đắc thắng, giữ vững hệ thống ngữ pháp của nó và bảo tồn từ vị cơ bản riêng của nó và cứ tiếp tục tiến triển, đúng theo quy luật phát triển nội tại của ngữ ngôn ấy. Còn ngữ ngôn kia, thì dần dần mất hết tính chất của nó và tuần tự biến đi.

Cho nên, sự phối hợp không tạo ra một ngữ ngôn mới, ngữ ngôn thứ ba nào cả, mà lại bảo tồn một trong những ngữ ngôn phối hợp, bảo tồn cơ cấu ngữ pháp và từ vị cơ bản của ngữ ngôn ấy, do đó khiến nó có thể phát triển theo đúng quy luật phát triển nội tại của nó.

Trong quá trình ấy, chắc chắn rằng từ vị của ngữ ngôn đắc thắng được bồi bổ bằng cách đồng hóa ngữ ngôn bị bại, song điều đó không những không làm suy yếu ngữ ngôn đắc thắng mà, trái lại, còn làm cho nó mạnh hơn lên.

Tức như tiếng Nga, chẳng hạn, nó đã phối hợp với ngữ ngôn của nhiều dân tộc khác, trong quá trình phát triển lịch sử, và nó luôn luôn chiếm phần ưu thắng.

Dĩ nhiên, như thế từ vị của ngữ ngôn Nga được bồi bổ bằng cách đồng hóa từ vị của những ngữ ngôn khác, song ngữ ngôn Nga không vì thế mà suy yếu đi, trái lại, nó đã giàu mạnh hơn lên.

Còn về đặc tính dân tộc, ngữ ngôn Nga cũng không bị thiệt hại chút nào cả. Vì bảo tồn được hệ thống ngữ pháp và nền cơ bản của từ vị, nên ngữ ngôn Nga vẫn cứ tiếp tục tiến tới và tự cải tiến đúng theo quy luật phát triển nội tại của nó.

Vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, thuyết phối hợp ngữ ngôn rõ ràng không thể đem lại cho ngữ ngôn học Liên-xô cái gì cả. Nếu thật sự, vấn đề chính của ngữ ngôn học là nghiên cứu quy luật phát triển nội tại của

ngữ ngôn thì phải nhận rằng thuyết phối hợp không giải quyết được vấn đề ấy; thậm chí nó cũng không đặt vấn đề ấy ra nữa, và, nói cho ngay, nó không nhận thấy hay không hiểu vấn đề ấy.

HỎI: *Báo Sự thật mở cuộc tranh luận tự do các vấn đề ngữ ngôn học, như thế có đúng không?* *

ĐÁP: Đúng.

Cái hướng giải quyết những vấn đề ngữ ngôn học ấy như thế nào sẽ được chứng tỏ rõ, sau khi cuộc tranh luận kết thúc. Song, ngay từ bây giờ, cũng có thể nói rằng cuộc tranh luận rất là bổ ích.

Trước hết, cuộc tranh luận đã vạch cho ta thấy, ở trung ương cũng như trong các Cộng hòa, đã có một chế độ làm việc trái hẳn khoa học và không hợp với tư cách nhà khoa học. Bất cứ một sự phê bình nào về tình trạng ngữ ngôn học xô-viết, — dù là một cử chỉ phê phán dè dặt nhất đối với «giáo thuyết mới» trong ngữ ngôn học, cũng đều bị giới lãnh đạo ngữ ngôn học đàn áp và dập tắt. Chỉ vì tỏ thái độ phê bình đối với di sản của N. Marr, không tán thành đôi chút về giáo thuyết của N. Marr, mà nhiều cộng tác viên, nhiều nhà nghiên cứu ngữ ngôn học có tài đã bị gạt ra khỏi chức vụ hay giáng chức. Người ta đề bạt các nhà ngữ ngôn học lên các chức vụ cao không phải vì căn cứ vào khả năng khoa học của họ, mà chỉ là căn cứ vào chỗ họ có

---

* Cuộc tranh luận về các vấn đề ngữ ngôn học mở ra ngày 9 tháng Năm 1950 trên báo *Sự thật* ở Mạc-tư-khoa. Báo *Sự thật* xuất bản hàng ngày hơn 2 triệu bản, đã dành trọn 2 trang mỗi tuần cho cuộc tranh luận đó, để đăng bài của các giáo sư, các nhà hàn lâm và độc giả. Ngày 20 tháng Sáu, sau khi Sta-lin phát biểu ý kiến lần đầu tiên để giải quyết vấn đề, rồi tiếp đó phát biểu thêm bốn lần nữa, thì toàn thể báo chí Liên-xô đều đăng nhiều bài nói về các bài học rút ra trong lời phát biểu của Sta-lin, có quan hệ đến các lĩnh vực khoa học và văn hóa *(B.T.)*

phục tùng hoàn toàn đối với giáo thuyết của N. Marr hay không.

Ai cũng phải nhận rằng không khoa học nào có thể phát triển và phồn thịnh được, nếu không có đấu tranh ý kiến, không có tự do phê bình. Song, cái quy luật thông thường ai cũng phải thừa nhận ấy, đã bị coi thường và chà đạp lên một cách không e dè gì cả. Một nhóm những nhà lãnh đạo tự cho mình là không thể sai lầm được đã xuất hiện, và sau khi làm cho không ai dám hé răng phê bình chỉ trích gì cả, họ đã đi sâu vào chuyên quyền, độc đoán.

Hãy lấy một thí dụ: Tập *Giảng khóa ở Ba-cu* (gồm những bài giảng của N. Marr ở Ba-cu) mà chính tác giả cũng đã nhận là có nhiều khuyết điểm và cấm tái bản, thế mà phe lãnh đạo (mà đồng chí Mét-sa-ni-nốp gọi là « môn đồ » của N. Marr) lại đem ra in lại và đã ngang nhiên liệt vào hàng các sách báo giáo khoa chính thức để giới thiệu cho các sinh viên học. Như thế, tức là các sinh viên đã bị lừa dối, họ đã phải học một pho *giảng khóa* sai lầm, cũng y như học một sách giáo khoa hoàn bị nào khác. Nếu tôi không tin vào lòng thành thực của đồng chí Mét-sa-ni-nốp và những đồng chí lãnh đạo khác trong giới ngữ ngôn học, thì tôi đã nói hành động như thế có khác nào hành động phá hoại.

Tại sao, một việc như thế lại có thể xẩy ra được? Nó xẩy ra, vì chế độ A-rắc-tơ-sê-ép * trong giới ngữ ngôn học đã gây ra tinh thần vô trách nhiệm và khuyến khích những sự lố lăng như thế.

---

* Araktsêev Alekxi (1769—1834) là bộ trưởng chiến tranh dưới chế độ Nga hoàng. Hắn là tiêu biểu điển hình cho bọn phản động phong kiến nô dịch trong việc áp dụng những phương pháp tổ chức đặc biệt là quan liêu và độc đoán về mặt hành chính *(B. T.)*

Nên, cuộc tranh luận đã tỏ ra rất bổ ích, trước hết, vì nó đã phơi chế độ A-rắc-tơ-sê-ép ra ngoài ánh sáng và đập tan chế độ ấy.

Nhưng, lợi ích của cuộc tranh luận không phải chỉ có bấy nhiêu. Cuộc thảo luận, ngoài tác dụng đập tan cái chế độ cũ trong ngữ ngôn học, còn làm cho ta thấy rõ cái quan niệm hồ đồ không thể tưởng tượng được, của các giới lãnh đạo ngành khoa học ấy, đối với những vấn đề tối quan trọng trong ngữ ngôn học. Trước khi cuộc tranh luận nhóm lên, những môn đồ của N. Marr im hơi nín tiếng và cố che đậy tình trạng không hay ho trong ngữ ngôn học. Đến khi cuộc thảo luận nổ ra, không thể làm thinh được nữa, họ đành phải phát biểu ý kiến trên báo chí. Rồi, kết quả là thế nào? Người ta thấy rõ những giáo thuyết của N. Marr chứa một lô sai lầm, thiếu sót, vấn đề mập mờ và luận cứ chưa phát triển đến nơi đến chốn. Người ta tự hỏi tại sao bọn « môn đồ » của N. Marr chỉ mở miệng, sau khi cuộc tranh luận đã nổ ra? Tại sao trước kia họ không nói? Tại sao trước ngày ấy, họ lại không nói ra, công khai và thẳng thắn, đúng như thái độ các nhà khoa học chân chính phải có?

Sau khi nhìn nhận « một số nào » những sai lầm của N. Marr, những « môn đồ » đó hình như tỏ ý tin rằng ngữ ngôn học xô-viết chỉ có thể phát triển được với điều kiện là nó phải được đặt trên nền học thuyết của N. Marr, sau khi học thuyết ấy « đã được xác định lại », học thuyết mà họ coi là đúng với chủ nghĩa Mác. Thôi đi, hãy tha cho chúng tôi khỏi cái « chủ nghĩa Mác » ấy của N. Marr. Quả thật, N. Marr cũng muốn và cố sức để trở thành một nhà mác-xít, song không thể đạt được. N. Marr chỉ đi đến kết quả là giản

đơn hóa * và làm nhàm chủ nghĩa Mác theo cùng một kiểu với bọn *Proletkoult và R. A. P. P.* **

N. Marr đã đưa vào ngữ ngôn học một luận cứ sai lầm, phi mác-xít, coi ngữ ngôn là một thượng tầng, và như thế, N. Marr đã tự làm hỗn loạn tư tưởng mình và làm hỗn loạn ngữ ngôn học. Ngữ ngôn học Liên-xô không thể phát triển trên một luận cứ sai lầm.

N. Marr đã đưa vào ngữ ngôn học một luận cứ sai lầm và phi mác-xít khác là « tính chất giai cấp » của ngữ ngôn, do đó, đã tự làm hỗn loạn tư tưởng mình và làm hỗn loạn ngữ ngôn học. Ngữ ngôn học xô-viết không thể phát triển được trên cơ sở một luận cứ sai lầm, phản trái với toàn bộ tiến trình lịch sử của các dân và các ngữ ngôn.

N. Marr đã đưa vào ngữ ngôn học một giọng thiếu khiêm tốn, khoác lác, kiêu kỳ không thích hợp với chủ nghĩa Mác, khiến N. Marr đi đến chỗ phủ nhận, vô cớ và nhẹ dạ, tất cả những công trình có trước N. Marr về ngữ ngôn học.

---

* Giản đơn hóa (simplifier). *(N. D.)*

** *Proletkoult* là hội nhà văn xô-viết thành lập năm 1918, nói là nhằm mục đích xóa bỏ văn hóa tư sản, và đưa lại cho quần chúng cơ sở của văn hóa vô sản. Hội này đứng ra hành động độc lập không phụ thuộc Bộ Dân ủy Giáo dục. Năm 1920, Lê-nin chống lại thái độ của hội này, đồng thời thảo ra những đề cương trứ danh về văn hóa vô sản. Trong đó, Lê-nin bác cái gọi là văn hóa thảo ra trong phòng kín, và chủ trương văn hóa phải dựa trên công tác quần chúng, phải thấm nhuần di sản văn hóa thời xưa để vận dụng cho lợi ích của xã hội xã hội chủ nghĩa. *(B. T.)*

R. A. P. P. (Hội các nhà văn vô sản) đã lũng lạc giới nhà văn từ 1928 đến 1932. Nó chủ trương văn học vô sản phải do chính tay công nhân tạo ra và phải tiến hành theo mức lao động xung kích. Do chủ trương đó nên các tác phẩm văn chương thời bấy giờ rất tồi và nghèo nàn, đồng thời vì biệt phái cô độc và chỉ trích gắt gao nên người sáng tác văn nghệ khô kiệt. R. A. P. P. đến 1932 thì bị giải tán và được thay thế bằng Hội các nhà văn xô-viết. *(B. T.)*

N. Marr đã lớn tiếng chê phương pháp so sánh lịch sử* là « duy tâm ». Thế mà mặc dầu còn thiếu sót nặng, phương pháp so sánh lịch sử vẫn còn khá hơn cái phương pháp rõ ràng duy tâm của N. Marr chủ trương phân tích theo bốn yếu tố **, vì phương pháp kia còn khuyến khích người ta gia công nghiền ngẫm, nghiên cứu các ngữ ngôn, chứ phương pháp của N. Marr chỉ khuyến khích người ta nằm ườn bên lò lửa chăm chắm tìm cái bí hiểm của bốn yếu tố trứ danh ấy trong đống bã cà-phê.

N. Marr còn kiêu hãnh chỉ trích một công trình nghiên cứu về những tập thể (hệ tộc) ngữ ngôn, coi đó là biểu hiện của thuyết « ngữ ngôn gốc » *** thực ra, làm sao lại có thể phủ nhận được mối liên hệ thân thuộc hiển nhiên giữa những ngữ ngôn của các dân tộc như dân tộc sla-vơ chẳng hạn, và sự nghiên cứu về thân thuộc tính của ngữ ngôn những dân tộc ấy có thể rất bổ ích về mặt nghiên cứu những quy luật phát triển của ngữ ngôn. Ấy là chưa nói thuyết « ngữ ngôn gốc » lại không có dính dáng gì ở đây cả.

Khi nghe N. Marr và, nhất là nghe những « môn đồ » của Marr, người ta tưởng như, trước N. Marr, chưa hề có ngữ ngôn học bao giờ hết, và ngữ ngôn học chỉ xuất hiện với « giáo thuyết mới » của N. Marr. Đến Mác và Ăng-ghen cũng còn khiêm tốn hơn nhiều : cả hai vị đều cho rằng thuyết duy vật biện chứng của mình chỉ là sản phẩm của sự phát triển của khoa học, kể cả triết học, trong thời kỳ trước đó.

---

* Méthode historique comparée. *(N. D.)*

** Analyse à quatre éléments. N. Marr cho rằng tất cả các ngữ ngôn bắt nguồn từ bốn yếu tố nguyên thủy, là bốn âm : sal-ber-roch-ion. *(B. T.)*

*** Langue originaire. *(N. D.)*

Cho nên, cuộc tranh luận cũng bổ ích trong chừng mực nó đã vạch trần những sai lầm về tư tưởng trong ngữ ngôn học xô-viết.

Tôi tin rằng nếu ngữ ngôn học của chúng ta, gọt sạch được những vết sai lầm của N. Marr sớm chừng nào, thì nó càng mau thoát khỏi cơn khủng hoảng hiện nó đang mắc phải chừng ấy.

Thủ tiêu chế độ A-rắc-tơ-sê-ép trong ngữ ngôn học, tránh những sai lầm của N. Marr, và áp dụng đúng chủ nghĩa Mác trong ngữ ngôn học, theo ý kiến tôi, đó là con đường sẽ dẫn ngữ ngôn học xô-viết đến chỗ lành mạnh.

Sự thật, ngày 20 tháng Sáu 1950.

VÀI VẤN ĐỀ NGỮ NGÔN HỌC

Trả lời đồng chí E. Cơ-ra-se-nin-ni-cô-va

Đồng chí Cơ-ra-se-nin-ni-cô-va,

Xin trả lời những câu hỏi của đồng chí.

HỎI: *Bài báo của đồng chí đã chứng minh rõ ràng ngữ ngôn không phải là cơ sở hạ tầng, cũng không phải là kiến trúc thượng tầng. Vậy, coi ngữ ngôn là một hiện tượng riêng biệt đối với cả hạ tầng lẫn thượng tầng, có đúng không? Hay coi ngữ ngôn là hiện tượng trung gian đúng hơn?*

ĐÁP: Cái yếu tố chung hiện có trong tất cả các hiện tượng xã hội, kể cả hạ tầng lẫn thượng tầng, là phục vụ xã hội. Lẽ tự nhiên ngữ ngôn là một hiện tượng xã hội thì nó cũng có yếu tố chung đó, nghĩa là nó cũng phục vụ xã hội, y như các hiện tượng xã hội khác, kể cả hạ tầng lẫn thượng tầng. Nhưng, yếu tố chung hiện có trong mọi hiện tượng xã hội chỉ có bấy nhiêu thôi. Sau đó, thì những hiện tượng xã hội bắt đầu có những phân biệt rõ rệt.

Sự thật thì, ngoài yếu tố chung kia ra, những hiện tượng xã hội còn có những đặc thù riêng biệt, do đó người ta có thể phân biệt được giữa các hiện tượng ấy với nhau, và những đặc thù ấy rất quan trọng đối với khoa học. Đặc thù riêng biệt của hạ tầng là phụng sự

xã hội về mặt kinh tế. Đặc thù riêng biệt của thượng tầng là phụng sự xã hội bằng những ý niệm về chính trị, pháp lý, mỹ thuật và nhiều mặt khác nữa, và tạo cho xã hội những thiết chế tương đương về chính trị, pháp lý và về các mặt khác nữa. Vậy, đặc thù riêng biệt của ngữ ngôn, đặc thù giúp ta phân biệt ngữ ngôn với các hiện tượng xã hội khác là gì? Là ngữ ngôn phụng sự xã hội, làm phương tiện giao tiếp giữa mọi người, làm phương tiện trao đổi ý kiến trong xã hội, làm phương tiện giúp cho người ta hiểu biết lẫn nhau và cùng nhau tổ chức công tác chung trên mọi lãnh vực hoạt động của con người, cả trên lãnh vực sản xuất lẫn quan hệ sản xuất, cả trên lãnh vực chính trị lẫn văn hóa, cả trên lãnh vực sinh hoạt xã hội lẫn sinh hoạt thường ngày. Những đặc thù ấy chỉ riêng ngữ ngôn mới có, và chính vì chỉ ngữ ngôn mới có nên ngữ ngôn mới thành đối tượng nghiên cứu của một khoa học riêng biệt là: ngữ ngôn học. Nếu ngữ ngôn không có những đặc thù riêng biệt ấy, thì ngữ ngôn học sẽ mất quyền làm một khoa học riêng biệt.

Tóm lại: ngữ ngôn không thể liệt được vào hàng những hạ tầng hay thượng tầng.

Ngôn ngữ cũng không liệt vào hàng những hiện tượng « trung gian » đứng giữa hạ tầng và thượng tầng, vì không hề có những hiện tượng « trung gian » đó.

Song, có lẽ ngữ ngôn có thể liệt được vào hàng những lực lượng sản xuất của xã hội chẳng hạn, vào hàng những công cụ sản xuất, chăng? Thật ra, giữa công cụ sản xuất và ngữ ngôn quả có một mối tương đồng nào, vì công cụ sản xuất, cũng như ngữ ngôn, đều tỏ ra vô can đối với các giai cấp, và có thể phụng sự như nhau các giai cấp, cũ cũng như mới trong xã hội. Trường hợp đó cho phép chúng ta liệt được ngữ ngôn

vào hàng các công cụ sản xuất chăng? Không, chắc chắn là không.

Có một lúc, N. Marr thấy thuyết « ngữ ngôn là kiến trúc thượng tầng đặt trên cơ sở hạ tầng » của mình gặp nhiều phản đối, bèn tự mình « xoay chiều » lại và lập luận rằng « ngữ ngôn là một công cụ sản xuất ». N. Marr liệt ngữ ngôn vào hàng những công cụ sản xuất như thế, có đúng không? Không, nhất định là không.

Sự thật là ngữ ngôn và công cụ sản xuất chỉ giống nhau ở điểm tương đồng tôi vừa nói ở trên. Nhưng giữa ngữ ngôn và công cụ sản xuất, có một điểm khác nhau căn bản. Điểm khác nhau ấy, tức là: công cụ sản xuất thì tạo ra của cải vật chất, chứ ngữ ngôn không sản tạo ra gì cả, hay chỉ « sản tạo » ra những lời nói. Nói cho chính xác hơn, thì những người có công cụ sản xuất có thể tạo ra của cải vật chất, song nếu cũng những người ấy mà họ chỉ có ngữ ngôn, không có công cụ sản xuất thì họ không thể tạo ra của cải vật chất. Có gì đâu là khó hiểu, nếu ngữ ngôn có khả năng tạo ra của cải vật chất được thì bọn ba hoa sẽ là những người giàu nhất thế giới.

HỎI: *Mác và Ăng-ghen định nghĩa ngữ ngôn là « thực tế trực tiếp của tư tưởng »*, là « ý thức thực tế... thực tiễn ». Mác nói: « Ý tưởng không tồn tại ngoài ngữ ngôn được. » Vậy, theo ý kiến đồng chí trong chừng mực nào, thì ngữ ngôn học phải chú ý đến nghĩa của ngữ ngôn, đến khoa từ nghĩa học, đến từ nghĩa học lịch sử***

---

* Réalité immédiate de la pensée. *(N.D.)*

** Từ nghĩa học (sémantique) là khoa học nghiên cứu về nghĩa của các từ, về sự thay đổi nghĩa của các từ, tức là nghiên cứu về sự biến chuyển nghĩa của từ.

Từ nghĩa học lịch sử (sémasiologie historique) là khoa học nghiên cứu về sự biến chuyển nghĩa của từ trong quá trình của sự phát triển trong lịch sử. *(B.T.)*

và văn thể học, hay ngữ ngôn học chỉ được chuyên chú về hình thức?*

ĐÁP: Khoa từ nghĩa học là một trong những bộ phận quan trọng của ngữ ngôn học. Trạng thái ý nghĩa của các từ và ngữ rất quan trọng đối với việc nghiên cứu ngữ ngôn. Nên từ nghĩa học cần phải có một địa vị đích đáng trong ngữ ngôn học.

Tuy nhiên, trong khi nghiên cứu những vấn đề về từ nghĩa học và lợi dụng những luận cứ của từ nghĩa học, thì tuyệt không được đánh giá quá cao vai trò của từ nghĩa học, và lại càng không được lạm dụng nó. Tôi còn nhớ một số nhà ngữ ngôn học quá thiên về từ nghĩa học nên không coi ngữ ngôn là «thực tế trực tiếp của tư tưởng», là khăng khít gắn chặt với tư duy nên tách rời tư duy ra khỏi ngữ ngôn và cho là ngữ ngôn đã hết thời, là người ta có thể không cần đến ngữ ngôn nữa.

Xin hãy nghe câu nói này của N. Marr:

«Ngữ ngôn chỉ tồn tại là khi nào ngữ ngôn được biểu diễn thành âm thanh; còn tác động của tư duy thì có thể xảy ra mà không tự biểu lộ... Ngữ ngôn (khẩu ngữ) hiện nay đã bắt đầu nhường chức vụ ấy cho những phát minh hiện đại nhất định sẽ thắng không gian, còn tư duy thì do những cái đã tích góp được trong quá khứ mà không dùng đến, và do những cái nó đã thu nhận được mới đây, nó đang tiến lên những đỉnh cao vút, vì nhiệm vụ của nó là phải loại ngữ ngôn ra và hoàn toàn thay thế ngữ ngôn. Ngữ ngôn tương lai là tư duy phát triển trên một kỹ thuật được giải thoát khỏi

---

* Văn thể học (stylistique) nghiên cứu về tính chất chủ yếu về văn thể, văn từ, bút pháp trong một ngữ ngôn nào đó (cách lựa chọn từ, ngữ, đặt câu). *(B.T.)*

chất tự nhiên. Không một ngữ ngôn nào, kể cả khẩu ngữ, mặc dầu có liên hệ đến những quy luật của tự nhiên, lại có thể chống lại điều ấy được». (Xem: N. Marr, *Tuyển tập*).

Nếu đem diễn dịch những câu tối tăm, « kỳ ảo » ấy ra ngôn ngữ thông thường của nhân loại, thì có thể kết luận như sau :

a) N. Marr đã tách rời tư duy ra khỏi ngữ ngôn :

b) N. Marr đã cho rằng người ta có thể giao tiếp với nhau mà không cần đến ngữ ngôn, chỉ với tư duy là đủ, tư duy thoát khỏi « chất tự nhiên » của ngữ ngôn, thoát khỏi « những quy tắc của tự nhiên » ;

c) Vì tách rời tư duy ra khỏi ngữ ngôn và « giải thoát » tư duy khỏi « chất tự nhiên » của ngữ ngôn, nên N. Marr đã sa vào vũng lầy của chủ nghĩa duy tâm.

Người ta nói rằng những ý tưởng nảy sinh trong trí não người ta, trước khi được biểu diễn thành lời nói, rằng tư tưởng phát sinh không cần ngữ liệu*, không cần cái vỏ ngữ ngôn bọc ngoài, mà dưới một thể trần truồng, chẳng hạn. Nói như thế thật là sai. Bất cứ những ý tưởng nào xuất hiện trong đầu óc người ta và vào lúc nào chăng nữa, thì những ý tưởng ấy cũng chỉ xuất hiện và tồn tại được là nhờ vào ngữ liệu, là nhờ vào từ ngữ và câu. Những ý tưởng trần truồng thoát khỏi ngữ liệu, thoát khỏi « chất tự nhiên » của ngữ ngôn,— không thể có được. « Ngữ ngôn là thực tế trực tiếp của tư tưởng » (Mác). Thực tế của tư tưởng biểu lộ được là nhờ ngữ ngôn. Chỉ có bọn duy tâm mới có thể nói đến tư duy không gắn liền với « chất tự nhiên » của ngữ ngôn, tư duy ngoài ngôn ngữ.

---

* Matériaux de la langue. *(N.D.)*.

Tóm lại, sự đánh giá quá cao từ nghĩa học và lạm dụng quá đáng từ nghĩa học đã đưa N. Marr đến chủ nghĩa duy tâm. Cho nên, nếu tránh được cho khoa từ nghĩa học khỏi những bước thái quá và lạm dụng, như N. Marr và một số lớn «môn đồ» của Marr đã phạm, thì khoa từ nghĩa học sẽ bổ ích rất nhiều cho ngữ ngôn học.

HỎI: *Đồng chí nói rất đúng rằng giai cấp tư sản và vô sản đều có những ý tưởng, ý niệm, tập tục và những nguyên tắc đạo lý trái ngược hẳn nhau. Tính chất giai cấp của những hiện tượng ấy quả thật có ảnh hưởng đến trạng thái ý nghĩa của ngữ ngôn (và có khi đến cả hình thức của ngữ ngôn, đến từ vị của ngữ ngôn, như đã nói rất xác đáng trong bài của đồng chí). Khi nghiên cứu những ngữ liệu cụ thể, và trước hết, trạng thái ý nghĩa của ngữ ngôn, hỏi chúng tôi có thể nói đến thực chất giai cấp của những ý niệm do ngữ ngôn biểu diễn chăng, đặc biệt là trong những trường hợp ngữ ngôn biểu diễn không những ý tưởng của con người mà cả thái độ của con người đối với thực tế, thái độ biểu hiện đặc biệt rõ rệt lập trường giai cấp?*

ĐÁP: Nói vắn tắt lại, đồng chí muốn biết có phải giai cấp ảnh hưởng đến ngữ ngôn chăng? Có phải giai cấp cung cấp những từ và ngữ riêng biệt cho ngữ ngôn chăng? Có phải có những trường hợp người ta, tùy theo tính chất giai cấp của mỗi người, mà cùng một từ hay cùng một ngữ lại có thể hiểu bằng nghĩa này hay nghĩa khác, chăng?

Có, giai cấp nhất định có ảnh hưởng đến ngữ ngôn, các giai cấp cung cấp những từ và ngữ riêng biệt của mình cho ngữ ngôn, và cùng một từ hay ngữ duy nhất mà có khi lại hiểu một cách khác hẳn nhau. Điều đó chắc chắn là như thế.

Tuy nhiên, điều đó không ắt có nghĩa là những từ và ngữ riêng biệt ấy, và cả sự khác nhau về mặt ý nghĩa cũng thế, lại có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngữ ngôn duy nhất, chung cho toàn dân được, cũng không ắt có nghĩa là ngữ ngôn, vì thế, lại có thể kém quan trọng và thay đổi tính chất.

Lẽ thứ nhất, những từ và ngữ riêng biệt ấy, cũng như những trường hợp sai biệt về ý nghĩa, có rất ít trong ngữ ngôn, ít đến nỗi khó mà chiếm được một phần trăm trong toàn bộ ngữ liệu. Cho nên, cái khối quan trọng những từ và ngữ còn lại, cũng như những ý nghĩa của những từ và ngữ ấy, vẫn là *chung* cho tất cả các giai cấp trong xã hội.

Lẽ thứ hai, những từ và ngữ đặc biệt và có màu sắc giai cấp ấy, đã được dùng trong lời nói, không theo quy luật của một thứ ngữ pháp « giai cấp » nào, vì thực tế, ngữ pháp giai cấp không có, mà lại theo quy luật ngữ pháp của ngữ ngôn hiện có, chung cho toàn dân.

Do đó, sự tồn tại của những từ và ngữ riêng biệt và những sự sai biệt về ý nghĩa của ngữ ngôn, đã không bác bỏ mà, trái lại, còn xác nhận rằng ngữ ngôn duy nhất, chung cho toàn dân là có và cần thiết.

HỎI : *Trong bài báo, đồng chí đã gọi rất đúng Marr là người đã làm nhàm chủ nghĩa Mác. Có phải như thế nghĩa là những nhà ngữ ngôn học, trong đó có cả chúng tôi là những người còn trẻ, chúng tôi phải bỏ* toàn bộ *di sản ngữ ngôn học của Marr, trong đó, dù sao cũng có một số tác phẩm nghiên cứu có giá trị về ngữ ngôn học (như đồng chí Tơ-si-cô-ba-va, Xan-giê-ép và nhiều người khác đã nói trong cuộc tranh luận) chăng? Chúng tôi có thể, trong khi nghiên cứu Marr một cách phê phán, rút trong những tác phẩm của Marr những điểm nào bổ ích và có giá trị chăng?*

ĐÁP: Dĩ nhiên, công trình của Marr không phải chỉ gồm toàn sai lầm. N. Marr phạm những sai lầm hết sức tệ, trong khi đưa vào ngữ ngôn học những yếu tố của chủ nghĩa Mác mà Marr đã làm sai lệch đi, trong khi cố ý đề ra một lý thuyết riêng biệt về ngữ ngôn học. Song, N. Marr cũng có một số nào những tác phẩm hay và viết đặc sắc, trong đó, vì tạm quên được tham vọng đặt ra lý thuyết, nên Marr đã nghiên cứu một cách tận tâm và khéo léo — phải công nhận như thế — một số ngữ ngôn. Trong những tác phẩm ấy, ta có thể tìm được nhiều điểm có giá trị và bổ ích. Vì thế, hiển nhiên là nên rút trong những tác phẩm của N. Marr và sử dụng những cái gì có giá trị và bổ ích.

HỎI: *Có nhiều nhà ngữ ngôn học cho rằng* **chủ nghĩa hình thức** *là một trong những nguyên nhân sâu xa làm cho ngữ ngôn học Liên-xô đình trệ. Chúng tôi rất muốn biết ý kiến của đồng chí về chủ nghĩa hình thức trong ngữ ngôn học là thế nào? và làm thế nào để khắc phục nó?*

ĐÁP: N. Marr và « môn đồ » của Marr đã buộc tất cả những nhà ngữ ngôn học nào không thừa nhận « học thuyết mới » của N. Marr là « hình thức chủ nghĩa ». Điều đó hiển nhiên là không đứng đắn và không được thông minh lắm.

N. Marr cho ngữ pháp là một « cái gì chỉ có hình thức thôi », và coi như phạm vào chủ nghĩa hình thức những người nào nhận hệ thống ngữ pháp là cơ sở của ngữ ngôn. Điều đó thật là phi lý.

Tôi tưởng « chủ nghĩa hình thức » đó chỉ là một sự bịa đặt do những tác giả của « học thuyết mới » kia dựng lên để dễ bề đấu tranh chống những địch thủ của họ trong ngữ ngôn học.

Cái nguyên do làm đình trệ ngữ ngôn học Liên-xô không phải là « chủ nghĩa hình thức » do bọn N. Marr và « môn đồ » đã bịa đặt ra, mà là chế độ A-rắc-tơ-sê-ép và những sai lầm về lý thuyết trong ngôn ngữ học. Chế độ A-rắc-t -sê-ép cũng do bọn « môn đồ » của N. Marr dựng lên. Chính N. Marr và bọn đồng sự thân cận nhất của Marr đã đưa sự hỗn loạn về lý thuyết vào ngữ ngôn học. Để chấm dứt tình trạng đình trệ ấy, những nguyên nhân nói trên phải được trừ khử. Trừ khử được những vết thương ấy, tức là làm cho ngữ ngôn học Liên-xô trở nên lành mạnh, là đưa ngữ ngôn học Liên-xô vào con đường tiến triển rộng rãi thênh thang và làm cho ngữ ngôn học Liên-xô đứng hàng đầu trong ngữ ngôn học thế giới.

22 tháng Sáu 1950.

Sự thật, 4 tháng Bảy 1950.

TRẢ LỜI CÁC ĐỒNG CHÍ

Gửi đồng chí Xan-giê-ép

Đồng chí Xan-giê-ép thân mến,

Tôi đáp thư của đồng chí khi chậm, vì mới hôm qua đây Văn phòng Trung ương mới chuyển thư ấy lại cho tôi.

Đồng chí nói lên rất đúng quan điểm của tôi về vấn đề thổ âm*.

Những thổ âm « giai cấp », — gọi là những kỳ ngữ, đúng hơn — không phụng sự quần chúng nhân dân mà phụng sự một tầng lớp mong manh trên nấc thang chót vót của xã hội. Hơn nữa, những thổ âm ấy không có hệ thống ngữ pháp riêng và cũng không có từ vị cơ bản riêng. Do đó không thể nào tiến thành những ngữ ngôn riêng biệt được.

Những thổ âm địa phương (« vùng ») trái lại, phụng sự quần chúng nhân dân và có hệ thống ngữ pháp riêng và từ vị cơ bản riêng. Vì thế, nhiều thổ âm địa phương, trong quá trình hình thành của các dân tộc, có thể là cơ sở của những ngữ ngôn dân tộc và trở thành những ngữ ngôn dân tộc riêng biệt. Đó chính là trường hợp chẳng hạn của thổ âm Cu-rơ-scơ — O-ren** (« thổ ngữ »

---

* dialecte. *(N.D.)*

** Koursk — Orel. *(N.D.)*

của Cu-rơ-scơ — O-ren) trong ngữ ngôn Nga, nó đã là cơ sở cho ngữ ngôn dân tộc Nga có thể nói rằng thổ âm Pon-ta-va — Ki-ép* trong ngữ ngôn U-cơ-ren cũng thế, nó đã là cơ sở của ngữ ngôn dân tộc U-cơ-ren. Còn những thổ âm khác trong những ngữ ngôn ấy thì lại mất tính chất độc đáo riêng đi mà hòa lẫn và mất tích luôn trong những ngữ ngôn ấy.

Cũng có những quá trình ngược lại là khi nào một dân có ngữ ngôn thống nhất, vì thiếu điều kiện kinh tế cần yếu để phát triển, chưa trở thành dân tộc được, mà ngữ ngôn thống nhất đã bị phá sản do quốc gia của dân ấy bị tan rã gây nên, và khi nào những thổ âm địa phương chưa có đủ thì giờ để trộn lẫn với nhau thành một ngữ ngôn thống nhất nên vẫn còn sống sót để làm nguồn cấu tạo cho những ngữ ngôn riêng biệt. Có thể ngữ ngôn Mông-cổ thống nhất, chẳng hạn, chính là loại thuộc vào trường hợp như thế.

Ngày 11 tháng Bảy 1950.

Sự thật, 2 tháng Tám 1950.

---

* Poltava—Kiev. *(N.D.)*

GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ Đ. BEN-KIN VÀ X. PHU-RÊ

Tôi đã nhận được thư của các đồng chí.

Sai lầm của các đồng chí là ở chỗ các đồng chí đã lẫn lộn hai điều khác hẳn nhau và đã đem thay đối tượng nhận xét trong bức thư trả lời của tôi cho đồng chí Cơ-ra-se-nin-ni-cô-va bằng một đối tượng khác.

1. Trong bức thư trả lời ấy, tôi phê bình N. Marr, khi nói về ngữ ngôn (khẩu ngữ) và tư duy, đã tách rời ngữ ngôn ra khỏi tư duy và, do đó, đã sa vào chủ nghĩa duy tâm. Như thế, trong bức thư trả lời của tôi, là nói về những người bình thường nói được. Tôi quả quyết hơn nữa rằng, với những người như thế thì tư tưởng chỉ có thể xuất hiện trên cơ sở ngữ liệu; và đối với những người nói được, thì không hề có những tư tưởng nào trơ trụi mà lại không dính dáng gì đến ngữ liệu.

Đáng lẽ phải chấp nhận hoặc bác bỏ thuyết ấy, các đồng chí lại xét đến những người có cơ thể khác thường, những người cấm khẩu, những người câm điếc không nói được, thì lẽ tự nhiên, tư tưởng của những người ấy không thể nào xuất hiện trên cơ sở ngữ liệu được. Các đồng chí thấy chứ, đó là một vấn đề khác hẳn, tôi có

bàn đến đâu và cũng không thể bàn đến, vì ngữ ngôn học chỉ chú trọng đến những người bình thường nói được, chứ không chú trọng đến những người có cơ thể khác thường, những người câm điếc không nói được.

Các đồng chí đã thay thế vào đề đang thảo luận bằng một đề khác không hề được đặt ra để thảo luận.

2. Cứ theo bức thư của đồng chí Ben-kin, thì đồng chí ấy đã đặt ngang hàng « khẩu ngữ » (lời nói thành tiếng) với « lời nói bằng điệu bộ » (lời nói « bằng tay », theo tiếng của N. Marr). Rõ ràng đồng chí tưởng rằng ngữ ngôn bằng điệu bộ và ngữ ngôn thành tiếng là tương đồng với nhau, rằng đã có một thời kỳ nào đó xã hội loài người không có khẩu ngữ, và lời nói « bằng tay » hồi đó đã được dùng để thay cho khẩu ngữ mãi sau này mới xuất hiện.

Nhưng, nếu đồng chí Ben-kin quả thật đã nhận định như thế, thì đồng chí đã phạm một sai lầm lớn. Ngôn ngữ thành tiếng hay khẩu ngữ vẫn luôn luôn là tiếng nói duy nhất của xã hội loài người, nó có đủ khả năng làm một phương tiện thực sự cho việc giao tiếp giữa mọi người. Lịch sử không hề biết có một xã hội loài người nào, dù lạc hậu đến đâu chăng nữa, lại không có ngôn ngữ thành tiếng. Nhân chủng học không hề biết có một dân nhỏ bé lạc hậu nào—dù cũng cổ lỗ hay còn cổ lỗ hơn người Úc châu hay dân Đất Lửa thế kỷ trước, chẳng hạn, — lại không có ngôn ngữ thành tiếng. Ngôn ngữ thành tiếng, trong lịch sử của nhân loại, là một trong những lực lượng đã giúp cho người ta để tự phân biệt với loài thú, để tập hợp thành xã hội, phát triển năng khiếu tư duy* của mình, để tổ

---

* faculté de pensée. *(N.D.)*

chức sự sản xuất xã hội, để đấu tranh thắng các lực lượng của tự nhiên và để đạt đến bước tiến bộ mà chúng ta thấy hiện nay.

Về phương diện này, vai trò của tiếng nói gọi là « bằng điệu bộ » không có gì đáng kể, vì sự nghèo nàn vô cùng và tính chất hữu hạn của nó. Nói cho đúng ra, đó không phải là một ngôn ngữ, cũng không phải là một thứ ngôn ngữ giả tạo có thể, bằng cách này hay cách khác, thay thế cho ngôn ngữ thành tiếng, mà là một phương tiện phụ, khả năng rất hạn chế, có đôi khi được người ta dùng để nhấn mạnh đoạn này hay đoạn khác trong lời nói. Người ta không thể so sánh ngôn ngữ bằng điệu bộ với ngôn ngữ thành tiếng, cũng như không thể so sánh cái cuốc gỗ đời thượng cổ với cái máy kéo tối tân có bánh xe vòng xích có đủ cả máy cày năm hàm răng và máy gieo.

3. Hiển nhiên, các đồng chí đã chú trọng trước hết đến những người câm điếc, rồi, chỉ sau đó, mới chú trọng đến các vấn đề ngữ ngôn học. Có lẽ chính là do đó mà các đồng chí đã đặt một số câu hỏi để hỏi tôi. Được, nếu các đồng chí cứ khăng khăng muốn biết, tôi cũng sẵn lòng để làm thỏa mãn lời yêu cầu của các đồng chí, vậy đối với những người câm điếc, vấn đề là thế nào? Họ có năng khiếu tư duy không? Họ có tư tưởng không? Có, họ có năng khiếu tư duy, họ có tư tưởng. Ai cũng biết rằng những người câm điếc, đã không nói ra tiếng được, thì tư tưởng của họ không thể thành hình trên cơ sở ngữ liệu được. Như thế có phải có nghĩa là tư tưởng của những người câm điếc là trơ trụi, không liên hệ gì đến những « quy tắc của tự nhiên » (thành ngữ này của N. Marr) chăng? Dĩ nhiên là không. Tư tưởng của những người câm điếc chỉ được hình thành và chỉ có thể tồn tại là trên cơ sở của những

hình ảnh, những cảm giác, những tượng hình* xảy ra trong đời sống thường ngày, về những vật thể của ngoại giới và về những mối quan hệ giữa những vật thể của ngoại giới và về những mối quan hệ giữa những vật thể ấy với nhau, nhờ nhận thức của thị giác, xúc giác, vị giác, khứu giác. Ngoài những hình ảnh, cảm giác, tượng hình ấy ra, tư duy của họ trống rỗng, không có nội dung gì cả, tức là không tồn tại.

Ngày 22 tháng Bảy 1950.

Sự thật, 22 tháng Tám 1950.

---

* représentation. *(N.D.)*

GỬI ĐỒNG CHÍ A. KHÔ-LÔ-PỐP

Tôi đã nhận được thư của đồng chí.

Tôi trả lời hơi chậm vì tôi bận công việc quá nhiều.

Thư của đồng chí bao hàm hai giả định : thứ nhất, giả định rằng người ta được phép rút dẫn chứng trong những tác phẩm của tác giả này hay tác giả khác, bằng cách *tách rời* dẫn chứng ấy khỏi thời kỳ lịch sử quan hệ đến câu trích dẫn ; và thứ hai, giả định rằng những kết luận và định thức này hay khác của chủ nghĩa Mác rút trong sự nghiên cứu về một trong những thời kỳ phát triển lịch sử nào đó, đều đúng cho tất cả mọi thời kỳ phát triển và, như thế, tức là phải để *y nguyên bất di bất dịch*.

Tôi phải nói rằng hai giả định ấy sai vô cùng. Đây là một vài thí dụ :

1) Vào khoảng 1840 - 1850, khi chưa có chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, khi chủ nghĩa tư bản còn phát triển một cách ít hay nhiều đều đặn, đang tiến lên và bành trướng ra những lãnh thổ mới chưa bị chiếm cứ, và khi luật phát triển bất đồng chưa có thể biểu hiện ra đầy đủ, thì Mác và Ăng-ghen đã đi đến kết luận rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thắng trong một nước nào riêng rẽ, mà chỉ có thể thắng là sau khi có một cuộc nổi dậy chung, trong tất cả các nước văn minh hay trong phần lớn các nước ấy. Câu kết luận ấy, sau

đó, đã trở thành một phương châm chỉ đạo cho tất cả mọi người mác-xít.

Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ XX, nhất là trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, khi tất cả mọi người đều thấy rõ ràng chủ nghĩa tư bản tiền lũng đoạn* đã hiển nhiên chuyển biến thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, khi chủ nghĩa tư bản đang lên đã chuyển biến thành chủ nghĩa tư bản hấp hối, khi chiến tranh đã phơi trần những nhược điểm bất trị của mặt trận đế quốc chủ nghĩa thế giới, và khi luật phát triển bất đồng đã khiến cách mạng vô sản chín muồi, theo từng thời kỳ khác nhau, trong từng nước khác nhau, thì Lê-nin căn cứ vào lý luận mác-xít, đã kết luận rằng, trong những điều kiện mới của sự phát triển, cách mạng xã hội chủ nghĩa rất có thể thắng trong một nước duy nhất riêng rẽ; rằng sự thành công cùng một lượt của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong tất cả các nước hay trong phần lớn những nước văn minh, là điều không thể nào có được, vì cách mạng chín không đều trên những nước ấy; rằng định thức cũ của Mác và Ăng-ghen không còn thích hợp với điều kiện lịch sử mới nữa.

Như ai nấy đều thấy, ở đây, chúng ta có hai kết luận khác nhau về vấn đề thành công của chủ nghĩa xã hội, những kết luận ấy không những trái ngược nhau mà lại còn không thể tương dung nữa.

Bọn kinh viện và thày pháp** không đi sâu tìm hiểu sự vật nên họ dẫn sách một cách máy móc bằng cách tách rời khỏi những điều kiện lịch sử. Bọn ấy có thể cho rằng phải vứt bỏ một trong hai kết luận ấy đi, coi như hoàn toàn sai, còn kết luận kia thì coi như hoàn

---

* prémonopoliste. (*N.D.*)

** talmudistes. (*N.D.*)

toàn đúng và phải được áp dụng vào tất cả các thời kỳ của sự phát triển. Song, những người mác-xít không thể không hiểu rằng bọn kinh viện và thày pháp ấy lầm; họ không thể không hiểu rằng cả hai kết luận ấy đều đúng, nhưng không phải là một cách tuyệt đối; rằng mỗi kết luận đúng cho thời kỳ của nó: kết luận của Mác và Ăng-ghen đúng cho thời kỳ chủ nghĩa tư bản tiền lũng đoạn, còn kết luận của Lê-nin lại đúng cho thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn.

2) Ăng-ghen đã nói trong cuốn *Chống Đu-rinh* rằng sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, Nhà nước phải tiêu vong. Chính vì cái lẽ đó mà, sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công trong nước ta, bọn kinh viện và thày pháp trong Đảng ta đã đòi Đảng phải có biện pháp để làm cho Nhà nước mau chóng tiêu vong, để giải tán các bộ máy Nhà nước và không để quân đội thường trực nữa.

Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thế giới ngày nay, những người mác-xít xô-viết đã đi đến kết luận rằng: trong khi vòng vây tư bản còn, cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ diễn ra trong một nước riêng rẽ và chủ nghĩa tư bản còn thống trị trong tất cả các nước khác thì nước cách mạng thành công không được để cho suy yếu, mà trái lại còn phải củng cố đến cùng Nhà nước của mình, bộ máy Nhà nước, những cơ quan tình báo, quân đội, nếu nước ấy không muốn bị vòng vây tư bản bóp nghẹt. Những người mác-xít Nga đã đi đến kết luận rằng định thức của Ăng-ghen là nói về sự thành công của chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước hay trong phần lớn các nước, định thức ấy không thể áp dụng được vào trường hợp chủ nghĩa xã hội thắng trong một nước riêng rẽ duy nhất, trong khi chủ nghĩa tư bản còn thống trị trong tất cả các nước khác.

Nhưng ai nấy đều thấy, ở đây, chúng ta có hai định thức khác hẳn nhau về vấn đề vận mạng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, hai định thức không thể tương dung.

Bọn kinh viện và thày pháp có thể nói rằng trường hợp ấy đã tạo ra một tình trạng khó xử ; rằng phải vứt bỏ một trong những định thức ấy đi, coi như hoàn toàn sai, và áp dụng cái kia coi như hoàn toàn đúng, vào tất cả các thời kỳ phát triển của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng, những người mác xít không thể không biết rằng bọn kinh viện và thày pháp lầm, vì hai định thức ấy đúng, song không phải là một cách tuyệt đối, mỗi cái đúng cho một thời kỳ riêng : định thức của các nhà mác-xít xô-viết đúng cho thời kỳ chủ nghĩa xã hội đã thành công trong một hay nhiều nước, còn định thức của Ăng-ghen lại đúng cho thời kỳ mà sự thành công tuần tự của chủ nghĩa xã hội trong nhiều nước sắp đưa đến sự thành công của chủ nghĩa xã hội trong phần lớn các nước, và do đó, trong các nước ấy, những điều kiện cần yếu cho sự áp dụng định thức của Ăng-ghen sẽ được tạo ra.

Người ta có thể kể rất nhiều thí dụ như thế.

Đối với hai định thức khác nhau về vấn đề ngữ ngôn, rút trong những tác phẩm khác nhau của Sta-lin, được đồng chí Khô-lô-pốp trích dẫn trong bức thư của đồng chí, cũng phải nói như thế.

Đồng chí Khô-lô-pốp căn cứ vào tác phẩm của Sta-lin *Bàn về chủ nghĩa Mác trong ngữ ngôn học*, trong đó có câu kết luận nói rằng sau khi hai ngữ ngôn phối hợp, chẳng hạn, thì một trong những ngữ ngôn ấy thường thường thắng, còn ngữ ngôn kia bị tiêu diệt, vì thế, sự phối hợp không đẻ ra một ngữ ngôn mới, một ngữ ngôn thứ ba nào cả, mà lại bảo toàn một trong hai

ngữ ngôn ấy. Sau đó, đồng chí ấy lại căn cứ vào một kết luận khác rút trong bản báo cáo của Sta-lin ở Đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) Liên-xô, nói rằng trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội thành công trong phạm vi toàn thế giới, khi xã hội chủ nghĩa được củng cố và đi vào đời sống hàng ngày, thì những ngữ ngôn dân tộc tất nhiên phải dung hợp lại thành một ngữ ngôn chung, ngữ ngôn ấy chắc chắn sẽ chẳng phải là ngữ ngôn Nga hay Đức mà là một cái gì mới. Khi đem đối chiếu hai định thức ấy và thấy rằng những định thức ấy không những không ăn khớp với nhau, mà còn xung khắc nhau nữa, đồng chí Khô-lô-pốp đâm ra thất vọng. Đồng chí Khô-lô-pốp viết trong thư: Đọc bài của đồng chí tôi đã hiểu rằng sự phối hợp của nhiều ngữ ngôn, *không bao giờ* đẻ ra một ngữ ngôn nào mới, chứ không phải như trước kia, khi chưa có bài ấy, tôi vẫn đinh ninh tin chắc, đúng như lời tuyên bố của đồng chí tại Đại hội thứ XVI của Đảng cộng sản (b) Liên-xô, rằng dưới *chế độ cộng sản*, những ngữ ngôn sẽ dung hợp lại thành một ngữ ngôn chung duy nhất.»

Hiển nhiên, sau khi đã tìm ra một mâu thuẫn giữa hai định thức ấy, và tin tưởng một cách sâu xa rằng mâu thuẫn ấy phải được giải quyết, đồng chí Khô-lô-pốp cho là cần phải vứt bỏ một trong những định thức ấy, coi như sai lầm và phải bám lấy định thức kia, coi như đúng cho tất cả mọi thời gian và tất cả mọi nước. Song, phải bám lấy định thức nào thì đồng chí không biết. Kết quả đã đưa đến chỗ bế tắc. Đồng chí Khô-lô-pốp cũng không hề nghĩ được rằng hai định thức có thể đúng cả hai, nhưng mỗi cái đúng cho một thời kỳ.

Bọn kinh viện và thày pháp luôn luôn như thế. Họ không đi sâu vào nghiên cứu sự vật, chỉ dẫn sách một cách máy móc, không chú ý gì đến điều kiện lịch sử

quan hệ đến những câu trích dẫn ấy, nên luôn luôn sa vào tình trạng bế tắc.

Tuy nhiên, nếu người ta xét tận gốc vấn đề, thì có lý nào lại coi tình trạng ấy là bế tắc được. Sự thật, bài của Sta-lin *Bàn về chủ nghĩa Mác trong ngữ ngôn học* và lời tuyên bố của Sta-lin tại Đại hội thứ XVI của Đảng, nhằm hai thời kỳ khác hẳn nhau, vì thế, chính là hai định thức khác hẳn nhau.

Cái định thức của Sta-lin trong bài nói về vấn đề phối hợp giữa những ngữ ngôn, nhằm thời kỳ *trước khi chủ nghĩa xã hội thành công* trong phạm vi toàn thế giới, khi những giai cấp bóc lột còn là lực lượng thống trị trên thế giới; khi sự áp bức dân tộc và thuộc địa còn tồn tại; khi tình trạng các dân tộc biệt lập và hiềm nghi lẫn nhau vẫn được duy trì với sự khác biệt giữa quốc gia này với quốc gia khác; khi chưa có sự bình đẳng về quyền lợi giữa các dân tộc; khi sự phối hợp giữa các ngữ ngôn đang diễn ra trong quá trình đấu tranh giành quyền thống trị cho một trong những ngữ ngôn ấy; khi chưa có những điều kiện cần thiết cho sự hợp tác hòa bình và thân ái giữa các dân tộc và các ngữ ngôn; khi vấn đề thường ngày đặt ra không phải là sự hợp tác và bồi bổ lẫn nhau giữa các ngữ ngôn, mà là sự đồng hóa những ngữ ngôn này và sự toàn thắng của những ngữ ngôn khác. Trong những điều kiện ấy thì chỉ có thể có những ngữ ngôn đắc thắng và những ngữ ngôn bại vong mà thôi. Định thức của Sta-lin chính là đã nhằm những điều kiện ấy, khi nói rằng sự phối hợp giữa hai ngữ ngôn, chẳng hạn, không đưa đến một ngữ ngôn nào mới cả, mà lại đưa đến sự đắc thắng của một trong hai ngữ ngôn ấy và sự bại vong của ngữ ngôn kia.

Còn cái định thức kia của Sta-lin, rút trong bài diễn văn đọc tại Đại hội XVI của Đảng, nói về sự hợp nhất

nhiều ngữ ngôn thành một ngữ ngôn chung duy nhất, định thức ấy nhằm một thời kỳ khác, chính là thời kỳ *sau khi chủ nghĩa xã hội thành công* trong phạm vi toàn thế giới, khi chủ nghĩa đế quốc thế giới không tồn tại nữa; khi những giai cấp bóc lột đã bị lật đổ rồi, sự áp bức dân tộc và thuộc địa đã được thủ tiêu, tình trạng biệt lập của các dân tộc và hiềm nghi lẫn nhau giữa các dân tộc được thay thế bằng sự tin cậy và gần gũi lẫn nhau, sự bình đẳng về quyền lợi giữa các dân tộc được biểu hiện trong đời sống thực tế, khi chính sách áp bức và đồng hóa các ngữ ngôn sẽ bị thủ tiêu, khi sự hợp tác giữa các dân tộc được thực hiện và các ngữ ngôn dân tộc hợp tác với nhau, sẽ có khả năng bồi bổ lẫn nhau một cách hoàn toàn tự do. Trong những điều kiện ấy, thì không thể còn có vấn đề áp bức và bại vong của những ngữ ngôn này và đắc thắng của những ngữ ngôn khác nữa. Ở đây, chúng ta sẽ không nói đến hai ngữ ngôn mà một trong số ấy bị bại vong, còn ngữ ngôn kia đắc thắng trong cuộc đấu tranh, nhưng nói đến hàng trăm ngữ ngôn dân tộc, trong đó, với sự hợp tác về kinh tế, chính trị và văn hóa lâu dài giữa các dân tộc, những ngữ ngôn khu vực thống nhất, phong phú nhất, sẽ tách rời ra trước; rồi sau đó, những ngữ ngôn khu vực sẽ hợp nhất thành một ngữ ngôn quốc tế thống nhất, công cộng, ngữ ngôn ấy, lẽ tự nhiên, sẽ không phải là ngữ ngôn Đức hay Nga, hay Anh mà là một ngữ ngôn mới, thâu tóm được đầy đủ những yếu tố ưu tú nhất của những ngữ ngôn dân tộc và khu vực kia.

Vì thế, đó là hai định thức khác nhau, thích hợp cho hai thời kỳ khác nhau trên bước phát triển của xã hội, và chính vì thích hợp cho những thời kỳ ấy, nên cả hai định thức đều đúng, mỗi cái đúng cho một thời kỳ.

Đòi cho những định thức ấy đừng trái ngược và xung khắc nhau, như thế cũng vô lý không khác đòi cho thời kỳ thống trị của chủ nghĩa tư bản đừng mâu thuẫn với thời kỳ thống trị của chủ nghĩa xã hội, đòi cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đừng xung khắc nhau.

Bọn kinh viện và thày pháp coi chủ nghĩa Mác, coi những kết luận và định thức của chủ nghĩa Mác như một mớ giáo điều *không bao giờ* di dịch, ngay cả trong khi những điều kiện phát triển của xã hội đã thay đổi. Họ tưởng rằng nếu học thuộc lòng những kết luận và định thức ấy và cứ đem ra chứng dẫn bừa đi, là họ sẽ có thể giải quyết bất cứ vấn đề nào, họ hy vọng rằng những kết luận và định thức học thuộc lòng ấy sẽ dùng được trong tất cả mọi thời gian, tất cả mọi nước, tất cả mọi hoàn cảnh trong thực tế. Nhưng, chỉ có những người nào nhìn thấy chữ nghĩa của chủ nghĩa Mác mà không thấy thực chất của chủ nghĩa Mác, học thuộc những lời văn trong các kết luận và định thức của chủ nghĩa Mác mà không hiểu nội dung, mới có thể nghĩ như thế.

Chủ nghĩa Mác là khoahọc về những quy luật phát triển của tự nhiên và của xã hội, khoahọc về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột, khoa học về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước, khoahọc về kiến thiết xã hội cộng sản chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác đã là một khoahọc, thì không thể đứng nguyên một chỗ : nó phát triển và tự cải tiến. Trong sự phát triển của nó, chủ nghĩa Mác không thể không tự bồi bổ bằng những kinh nghiệm mới và những tri thức mới. Vì thế một số nào những định thức và kết luận của nó không thể không biến đổi với thời

gian, không thể không được thay thế bằng những định thức và kết luận mới, thích hợp với những nhiệm vụ lịch sử mới. Chủ nghĩa Mác không thừa nhận những kết luận và định thức bất di bất dịch, nhất định đúng cho tất cả các thời đại và tất cả các thời kỳ. Chủ nghĩa Mác là thù địch của mọi chủ nghĩa giáo điều.

Ngày 28 tháng Bảy 1950.

Sự *thật*, 2 tháng Tám 1950.

TỪ LÂM *dịch*

MỤC LỤC

CHỦ NGHĨA MÁC VÀ NHỮNG
VẤN ĐỀ NGỮ NGÔN HỌC
IN 2.100 c TẠI XƯỞNG IN TIẾN BỘ
175, NGUYỄN - THÁI - HỌC — HÀ - NỘI
KHỔ 13×19 — XONG NGÀY 25-3-1958
SỐ XUẤT BẢN 548 — SỐ IN: 0314
GỬI LƯU CHIỂU THÁNG 3 NĂM 1958



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
24, QUANG - TRUNG - HÀ - NỘI

STA - LIN :

LÊ-NIN VÀ CHỦ NGHĨA LÊ-NIN	680 đ.
GIAI CẤP VÔ SẢN VÀ ĐẢNG CỦA VÔ SẢN.	200 đ.
CHỦ NGHĨA MÁC VÀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC *(Xuất bản lần thứ hai).*	1.000 đ.
VẤN ĐỀ DÂN TỘC Ở LIÊN-XÔ.	750 đ.
TỔNG KẾT KẾ HOẠCH NĂM NĂM LẦN THỨ NHẤT	600 đ.
HAI DIỄN VĂN ĐỌC TRƯỚC TUYỂN KHU STA-LIN Ở MÁT-SCƠ-VA	350 đ.
BÀN VỀ DỰ ÁN HIẾN PHÁP LIÊN-XÔ . .	450 đ.
CHỦ NGHĨA VÔ CHÍNH PHỦ HAY CHỦ NGHĨA XÃ HỘI *(Xuất bản lần thứ hai).*	550 đ.
NGUY CƠ HỮU KHUYNH TRONG ĐẢNG CỘNG SẢN (B) LIÊN-XÔ	250 đ.
CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ SÁCH LƯỢC CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGA.	700 đ.

Loại CT/A

Giá : 570 đ.